

AN-LẠC

tạp chí ra ngày 1 và ngày 15

Tiếng nói của giới Tăng Sinh

Quản nhiệm

đội đức THÍCH-THÔNG-BỬU

Tòa soạn : Chùa Quán-thế-Âm 68 Nguyễn-Huệ Phú-Nhật



SỐ
7

—Phải làm cách mạng đời sống dân nghèo

★ Đại đức THÍCH THÔNG BỬU

—Nên cải cách cấp đại học như thế nào ?

★ Giáo sư NGUYỄN BÌNH TUYẾN

—Đoàn kết để bảo vệ Hòa bình

★ Nhà văn THIẾU SƠN

—Lời kêu gọi của sứ thần mặt trời

★ NGUYỄN-VĂN-PHỤNG

—Thi ca Trần tổ Xương

★ TRẦN LỮ NGUYỄN KHANH

TÔI ĐỒNG Ý



B À con da vàng mũi tẹt ời! Sao mình không thương yêu mảnh đất hình chữ S của chúng mình — Thương chứ, chỉ có một số ít người ghét mà thôi, họ ghét họ không cần nói tiếng mẹ đẻ nữa, bỏ cơm hầm muối rang, ăn bánh mì bơ sữa, bỏ quốc tịch Việt, nhập Pháp tịch và vân vân tịch. Nhưng chưa quan trọng và độc ác bằng họ chia hình chữ S làm hai và phân chia chưa đủ, họ còn lập thêm bè phái,

gây cảnh gà nhà chung mắt đá nhau, chém giết lẫn nhau, họ đã quên rằng ông bà chúng mình trước kia chỉ có một gốc. Ngoài hạng người

ghét Tò Quốc Việt-Nam thì còn có một số khác thường tuyên bố yêu thương Tò Quốc lắm lắm nhưng yêu bằng mồm, gần đây chúng mình đã nghe một số người mệnh danh trí thức rêu rao rằng: « Họ nguyện sống cho đất nước này, chết cho đất nước này ». Nhưng lời tuyên bố chưa ráo nước miếng thì đồng tiền vàng của nước khác chất thành từng đống trước mặt họ, thế là câu nói ấy cấp thời bị gôm tầy bằng một nụ cười mơn. Thương nước yêu nòi bằng một nụ cười mơn, châu rìa lãnh kim ngân hoặc có một kiểu thương tế nhị hơn là ăn làm vua thua làm đại sứ, ăn làm vua thua xuất ngoại. Ngoại quốc có gì quý báu đâu mà ham. Nếu quý báu tại sao các nước sang giàu chạy qua Việt Nam mình làm gì? Việt Nam mình quý lắm, chúng ta không thấy các nước lúc nào cũng dòm dò ngó treo nước mình mãi hay sao? Chẳng những dòm dò mà thôi, họ còn phát nguyện sống vì dân tộc VN, chết vì dân tộc VN. Thật quý hóa quá. Gần đây Thượng nghị sĩ Wayne Morse thuộc tiểu bang Oregon (Hoa Kỳ) đã tuyên bố là sẽ gọi ba triệu quân sĩ Mỹ sang Việt Nam để chiến đấu giúp cho Việt Nam. Ôi quý hóa thay tinh thần yêu nước Việt của ông thượng

nghe sĩ Mỹ. Chúng tôi đồng ý và hoan hô ông hết mình. Ông đã thực hiện câu thương nhau cởi áo cho nhau, về nhà mẹ

An lạc tạp chí xin ghi nhận tình thương cao cả ấy và viết bài **Tôi đồng ý** gửi đến quý vị con Rồng cháu Tiên có nền văn hiến 4844 năm. Nghĩ sao? Làm gì? Muốn cháu rìa làm nô lệ với hình thức cầu an tiêu cực hay thích vươn dậy dành độc lập AN-VUI

T.T.B

CHẢI LAM *Cách mạng* ĐỜI SỐNG DÂN NGHÈO

Kẻ nào bảo : Thượng đế và thần linh sinh ra các người để chịu nghèo nàn và làm nô lệ, cho lớp người sang trọng vì lớp người sang trọng kia mới chính danh, do đấng cứu-thế sinh ra — Người nói lời ấy đã vô tình phản lại thần linh và thượng-đế.

Kẻ nào bảo : Vì đời trước các người tạo ra nghiệp chẳng lành, nên kiếp này phải lãnh chịu sự nghèo khổ— Kẻ nói lời ấy chính là người đã phản lại đức Thích-Ca Mâu Ni. (Nguyễn Du cũng thuộc hạng người trên : *“Đã mang lấy nghiệp vào thân, xin đừng trách lẫn trời gần trời xa.”*

Nghiệp là cái gì. Mà phải sợ nó ? Phải an phận chịu mang, tại sao biết nó là nghiệp mà không chuyển nó đi để phải cúi đầu cam chịu, và trời nào gần, trời nào xa. Hạng người lừa bịp và lưu manh ấy rất nhiều. Họ

đang ăn trong các giới. Họ tự gắn lên cổ, lên ngực cái nhãn hiệu giả tạm, gọi là trí thức và nhất là bọn người hoạt đầu chính trị, thường dựng thuyết ấy để làm hàng rào, chặn đứng loài người không cho tiến hóa, dùng thuyết ấy để thay bùa mê, thuốc ngủ mà ru con người, nhất là giới dân nghèo — Vì giới dân nghèo đông, nếu giới này đứng dậy thì làm sao họ ngồi nhà mát hưởng bát vàng, ăn cao lương mỹ vị. Họ nghĩ rằng ta đem học thuyết ấy để ru ngủ thì bọn chúng yên trí chịu làm nô lệ, chẳng những đời nó, mà cả con cháu nó, cũng chịu làm nô lệ, và an phận chịu cảnh đói nghèo, mình lừa bịp được nó thì truyền nối con cháu mình cũng lừa bịp được mai mãi. Lừa bịp khỏe quá, chỉ có lời nói, không tốn mồ hôi nước mắt mà đời nó qua đời kia được ngồi trên đầu trên cổ bọn nó mãi mãi.

Còn về phần người dân nghèo thì suốt ngày quần quật chạy lo cho lẽ sống, còn thì giờ đâu nghiên cứu thì giờ đâu nghĩ ngợi nếu có nghĩ ngợi thì thiếu phương tiện. Nên đành cam chịu quần đầu gối, áo mỏng tòn, nước mắt lộn mồ hôi mà cơm vẫn không đủ no ngày hai bữa.

Hỡi các người vô lương tri kia ơi !

Hỡi các người ngốc ngác an phận [kia ơi !

Không có thánh chúa nào dạy rằng các người phải chịu làm nô lệ đời và không ai được quyền — Dù quyền ấy là quyền ban thưởng hay quả phạt.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy rằng :

Không có giai cấp trong máu cùng đỏ, nước mắt cùng mặn. Đức Chúa Giêsu đã bảo “không có người nào suốt đời phải chịu làm nô lệ và rất nhiều vị thánh hiền đã kêu gào khô cò ghi chép đã cạn mực, cùn viết chỉ vì mực đích kêu gọi một tình thương giữa kiếp làm người. BÌNH ĐẲNG, BÌNH ĐẲNG, tiếng chuông ngân dài bao thế kỷ và nay vẫn còn âm vang, thế mà mấy ai đề ý.

Ồi! biết bao giờ loài người biết thương nhau, biết bao giờ cảnh chợ người hết còn buôn bán nhau một cách ty tiện quên lương tri. Biết bao giờ những môn triết học của thánh nhân hết còn bị loài người đem ra làm thí điểm mãi dâm — và ai là người dám làm cuộc cách mạng đại quy mô đây? KHỔ QUÁ — Nhưng phải có. Người ấy là loài người — Người ấy là toàn dân. Người ấy là chúng ta, là tất cả — Hãy thực sự bước vào công cuộc cách mạng đời sống dân nghèo. Ai Tiên phong ?

Điều đó lại càng lầm to. Không bao giờ và không khi nào ; triệu lần không ức bá lần không ! Việc này khỏi cần chứng-minh vì dân Việt-Nam chưa biết mùi Cộng Sản chỉ nểm chút chút thôi, nhưng người dân nghèo đã thấy rõ quá rồi, chẳng qua là cái bánh vẽ.

Mục đích loạt bài này không đề cập đến vấn đề chính trị nên không đi sâu vào chi tiết,

Muốn làm được cuộc cách mạng đời sống của dân nghèo

chúng ta nên theo công thức nào và dựa theo học thuyết nào.

Xin nêu một vài đơn lược. Nếu quý vị theo đạo học Đông-Phương thì quý vị nên lấy TÌNH THƯƠNG (Từ bi) làm Công thức.

Nếu quý vị theo đạo học Tây-Phương thì quý vị nên lấy rộng yêu (bác ái) làm công thức.

Và sau đây là học thuyết

Vì người viết bài này là Phật giáo nên xin mạn phép trình bày trong học thuyết Phật, vì đối với học thuyết các tôn giáo bạn không dám múa riều qua mắt thợ chứ không phải dành riêng phần làm cách mạng đời

sống dân nghèo cho học thuyết Phật giáo. Xin quý vị thông cảm và mong độc giả tìm nghiên cứu các tôn giáo bạn để vườn hoa nhân loại thêm hương. Nơi đây chúng tôi xin đi vào đề tài.

Có người bảo Phật giáo nghèo, còn hơn dân nghèo, thì Phật giáo làm sao cách mạng đời sống dân nghèo nổi. Chữ cách mạng có nghĩa là thay đổi những cái xấu, đem cái tốt đẹp đến. Người dân nghèo không có cái gì xấu xa cả. Chỉ có xấu là đời sống hằng ngày thiếu cơm ăn, nhà ở, quần áo, khi đau bệnh thiếu thuốc men. Con thơ thiếu sữa bú, mẹ già thiếu bát canh ngon. *• Vì nghèo mất thảo mất ngay, ơn cha cũng bỏ nghĩa thầy cũng quên.* Vì nghèo nên thua sút không có tiền cho con ăn học để mở mang trí tuệ biết, thiếu tiền mua gạo ăn nên kém sức khỏe, dài nắng dầm sương quần cùi áo cũt nên xấu phần chung diện. Bây giờ đề ra thuyết làm cách mạng đời sống dân nghèo thì nên trái lại những điểm trên. Nhưng muốn làm trái lại những điểm trên Phật giáo tìm đâu ra tiền bạc, để giúp đỡ dân nghèo, Phật giáo lại không có quyền lực, cũng không cậy thế nương thần đâu để mà giúp đỡ dân nghèo, Phật giáo cũng không có sữa bơ tiền vàng gạo trắng thì Phật giáo lấy gì làm cuộc cách mạng đời sống dân nghèo được. Chính cấp lãnh đạo Phật giáo còn *ăn xin* của dân nghèo (*tức là các vị tăng sĩ phải còn dựa sự cúng dường tin đồ*) thì Phật giáo lấy phương thức nào và dựa học thuyết nào mà dám đề xướng làm cuộc cách mạng đời sống dân nghèo. Nếu không lý luận vững sẽ rơi vào thuyết mị dân, nếu không có phương

thức cắn bản thì vô tình chung cũng nhai lại chiếc bánh vẽ mà Cộng sản đã từng đem ra làm lịch khuyến dụ.

Khoan ! Yên trí — Phật giáo đã có gần ba ngàn năm và vô lượng vô biên năm về quá khứ, Phật giáo nói rất ít nhưng thực hành rất nhiều. Còn cộng sản mới có gần trăm năm và các lý thuyết khác cũng thế, hơn nữa Phật giáo từng làm nhiều cuộc cách mạng cho đời sống dân nghèo khắp thế giới đã và đang có kết quả. Phật giáo gần ba ngàn năm chưa bao giờ phỉnh gạt ai và cũng chưa bao giờ đưa loài người vào cảnh máu rơi xương nát. Trái lại các chủ nghĩa cộng sản Tư bản và các học thuyết khác, làm cách mạng đầu chưa thấy nhưng đã dẫn loài người vào cảnh chém đâm, máu tràn thành sông, thây phơi thành núi. Và Phật giáo không những làm cuộc cách mạng riêng cho đời sống dân nghèo mà cả người giàu vua chúa quan dân lớn bé tất cả và chẳng những riêng loài người, hầu hết chung các loài cũng đều được Phật giáo hướng dẫn tự đứng lên làm cách mạng cho chính mình. Như vậy thì đối với đời sống dân nghèo làm một cuộc cách mạng từ vật chất đến tinh thần rất dễ.

— Có người bảo : Phật giáo dạy không được hưởng sang giàu, phải khổ hạnh mới là Phật giáo.

Đồng ý : Hưởng sang giàu trên xương máu đồng loại, bóc lột chúng sanh Phật giáo cấm. Còn việc hưởng sang giàu do trí tuệ và tài năng tự tạo nên thì Phật giáo không bao giờ ngăn cản và cũng không tìm thấy trong phẩm kinh nào dạy ngăn cấm chỗ đó cả. Còn việc khổ hạnh là Phật giáo không muốn an hưởng những gì đầy

đủ mà chung quanh mình đang thiếu ví dụ như đi thăm người bị cháy nhà mà mình mặc đồ quá sang, đeo vòng vàng nhẫn ngọc kim-cương, tức là vô tình mình đem niềm đau khổ đến cho kẻ vô hạnh kia vậy. Chứ nếu đi dự hội mà mặc áo cánh quần đùi việc ấy Phật giáo đâu có bắt buộc. Chịu khổ hạnh là vì chung quanh mình còn bao nhiêu người còn khổ hạnh gấp trăm ngàn lần, nếu ngày nào loài người hết ngu muội hết cúi đầu làm nô lệ nữa, thì sự thiếu thốn cực nhọc kia cũng đâu còn. Sự thiếu thốn hết thì sự khổ hạnh kia cũng đâu có nữa. Tất cả không có cái gì hai, không có cái gì một và cũng không có cái gì có, kể cả danh từ ngôn ngữ và văn tự cũng đều không (lý bất nhị kinh Duy ma Cật).

Hơn nữa người nào bảo thuyết Phật giáo chủ trương nghèo thiếu thì kẻ đó chỉ là người mù rờ voi rờ trúng đuôi, bảo voi giống cây chổi, chứ thực voi là voi chứ voi không là cây chổi, thì làm sao giống cây chổi — Phật giáo là Phật giáo chứ làm sao Phật giáo là nghèo nàn khổ hạnh không có nghèo hèn thì làm gì có giàu sang sung túc (không có điểm A làm gì có điểm B) vì vậy nên Phật giáo mới chủ trương làm cuộc cách mạng đời sống đánh nghèo cả vật chất lẫn tinh thần. Đến không còn phân biệt người nghèo thì làm gì còn có người giàu. Vậy trước khi bước vào công cuộc cách mạng, tối cần là phải có ba tiêu chuẩn căn bản.

Tin tưởng

Phát nguyện

Thực hành

A. — Tin tưởng ở tâm trí mình, ở bàn tay mình.

ở bắp thịt mình, nói tóm lại là tin nơi chính mình. Nếu người nào đã có nhiều lần thất bại không còn tin tưởng nơi chính mình nữa thì hãy nghĩ như thế này «Người cùi đã cùi hết hai chân mà còn có thể chèo tám, phát quạt bán mà sống, hưởng chi chúng ta. Còn đủ chân tay nói rộng ra một chút về mặt quốc gia, nước Nhật diện tích có 360.593km² mà đến 90.500.000 dân và đã bị quả bom nguyên tử tàn phá, đất thì ít nguồn lợi thế mà nước Nhật vẫn phú cường. Tại sao Việt Nam đầy đủ tiện nghi, dân tộc hùng cường, đất rộng, người tài, mỏ hầm đầy đủ, thổ sản, lâm sản có thừa, tại sao chịu làm nước nghèo đói, nô lệ ?»

Tin tưởng ở người : Chung quanh chúng ta bao bao nhiêu người bạn tốt, nếu ta thực sự, thì biết bao nhiêu người sẽ giúp ta, chưa có bao giờ, người siêng năng, đầy nghị lực, có đức tin mà mọi người oán ghét. Ấy là nói phạm vi cá nhân, nói rộng về phần quốc gia dân tộc, thì nếu chúng ta có một đức tin mãnh liệt nơi chúng ta «Chính phủ tin dân, thực tâm giúp đỡ dân, đừng ăn hối lộ, đừng biển thủ công quỹ đừng gởi tiền ra ngoại quốc đừng lừa dân, đừng mị dân.

Và trái lại dân tin tưởng nơi chính phủ giúp đỡ Chính phủ sớm thực hành mọi chủ trương đường lối, dựng nước phú-cường. Thì biết bao nước bạn chung quanh chúng ta sẵn sàng giúp đỡ chúng ta.

Tin tưởng ở sự : Phạm lạm một việc gì dù nhỏ hay lớn cũng phải có một mục đích, mục đích phải

chứng minh bằng việc làm thực tế, đã thành công và sẽ thành công.

Tin tưởng ở lý : Muốn mục đích đó đi đến thành công thì phải có một đường lối từ ngắn hạn đến dài hạn, đường lối ấy phải dựng xây trên nguyên tắc chánh đáng, và phải luận thuyết cho vững chãi bằng một chứng minh cụ thể.

Tin tưởng ở Nhân : Công việc mình phải làm đang làm và sẽ làm, phát khởi do đâu vì đâu. Và nhờ đâu ? Dựa theo nguyên tắc nào điều kiện nào để làm nguyên nhân phát khởi — Có gặp trở ngại nào không — khi gặp trở ngại cần phải giải trí như thế nào ?

Tin tưởng ở quả : Và việc làm ấy nó sẽ đi về đâu ? Hậu quả của nó, sự thu hái kết quả, có tồn tại ai không có làm lợi gì cho mình và mọi người chung quanh mình không ?

B.— Phát nguyện

Khi đã suy luận kỹ lưỡng đem về cho mình và người chung quanh mình một niềm tin tưởng mãnh liệt rồi, thì phải phát lời đại thệ nguyện. Dù gặp cảnh nào cũng không làm lay chuyển và đổi dời hạnh nguyện ấy.

Xưa Thái-tử Tất Đạt Đa, đã phát đại hạnh nguyện. Nếu không chứng thành đạo quả thì quyết không rời cội cây Bồ-Đề. Nhờ lời đại nguyện ấy mà Ngài đã trở thành bậc chánh-đẳng chánh-giác đem bao niềm vui về tưới ươm cho muôn loại, ánh sáng của Ngài khắp đại

thiên thể giới nhuần triêm và cũng nhờ sự phát nguyện không quay gót mà Kha-luân-Bố đã tìm ra tân thể giới — và còn biết bao nhiêu vị đã thành công rực rỡ ; nếu không phải là nhờ nơi phát đại hạnh nguyện hay sao ?

D.— Thực hành :

Khi đã vạch một đường lối thông suốt rồi, gây niềm tin tưởng cho mình cho người rồi và đã phát hạnh nguyện rồi thì phải thực hành. Vì trên đời này không có cái gì thành công do sự lười nhác mang đến. Lý thuyết mà không thực hành là lời nói suông, là thất bại và là điều nhục nhã mất nhân cách. Cuộc cách mạng đời sống dân nghèo. Tuy hai phần trên rất cần nhưng sự thành tựu hay không đều trả lời ở điểm thực hành. Điểm thực hành quyết định một phần quan trọng.

Vậy thì phần tiêu chuẩn căn bản cho cuộc cách mạng đời sống dân nghèo tuy chưa trọn vẹn nhưng đã dựng phần nòng cốt dành phần xây cất và điểm tựa cho quý vị. Trở về với công thức làm cách mạng đời sống dân nghèo. Trước khi vào phần công thức quan trọng, xin mời độc giả hãy nghiên cứu Phật giáo dạy người nên ăn dổi, ở trần, chịu khổ cực, thân người sẽ trở thành tiêu tụy, thiếu thốn và nô lệ hay Phật giáo đã bảo loài người và nói chung chúng sanh phải hưởng những sung sướng tốt đẹp.

Sở dĩ hôm nay tôi thành một Sa-môn là vì tôi đã nghe phẩm kinh của đức Thích-Ca Mâu-Ni dạy ; Tất cả

chúng sanh trong ấy có tôi nếu ai tin theo Phật làm đúng theo lời dạy của Ngài đều được hưởng sung sướng đến tuyệt đỉnh, vàng bạc ngọc ngà châu báu đầy đủ dùng mãi không bao giờ hết. Và nhất định: không có cảnh nô lệ hay bóc lột. Nói như thế không phải vì ham sung sướng cho riêng tôi, mà xuất gia học Phật.

Tôi thành một tu sĩ Phật giáo là tôi quyết đem niềm sung sướng tối thượng kia, kể cho mọi người khỏi còn mê muội bảo rằng: Phật giáo là khổ hạnh và yên trí chịu cui đầu cho nghiệp hành hình, để suốt đời chịu làm tên nô lệ. Tin hay không là việc khác. Công thức làm cách mạng đời sống dân nghèo như thế nào? Phẩm kinh nào dạy chúng-sanh được hưởng sung sướng tuyệt đỉnh. Xin mời quý vị đọc AN LẠC số tiếp.



Cấp Đại học của chúng ta

Nên Cải Cách như thế nào?

**Việc chuyển ngữ ở ngành
Đại học và Sinh viên**

It lâu nay, nhất là sau khi có phong trào sinh viên nổi lên chống đối chính quyền, vấn đề cải cách ngành đại học Việt Nam được nhiều phen bàn cãi sôi nổi. Một số sinh viên lấy danh nghĩa nước VN đã được độc lập việc giảng dạy ở Đại học phải bằng tiếng Việt, như người Pháp dạy bằng tiếng Pháp, người Anh dạy bằng tiếng Anh, nước Việt Nam với 4.800 năm văn hiến không đủ chữ để giảng dạy bằng

tiếng Việt sao?

Một số người khác chủ trương ở Đại học phải giảng dạy bằng tiếng ngoại ngữ. Tiếng Việt không đủ chữ để dạy, thường phải mượn bằng tiếng Hán Việt, thành ra trúc trắc khó nghe. Người Trung Hoa còn phải đề nguyên những danh từ khoa học, sao chúng ta lại đem nỗ lực hóa tiếng Việt một lần nữa để cho học sinh và sinh viên học thêm khó hiểu. Lý luận trên của các bạn sinh viên đứng về phương diện lý thuyết thì đúng lắm không ai cho trách nổi, nhưng thực tế mà xét thì không thể làm nổi. Vì nếu để

học chỉ học có văn chương, có luật pháp, chúng ta có thể dùng tiếng Việt để giảng dạy. Việc mượn danh từ Hán Việt cho giàu quốc văn cũng không ai trách...

Nhưng đại học không phải chỉ dùng để dạy văn chương Việt, kinh tế, hay luật pháp, mà còn có những phân khoa. Khoa học mà tiếng Hán Việt chen vào thay cho tiếng ngoại ngữ nghe nó có khi ngô nghê, trúc trắc hơn là cứ để nguyên những danh từ khoa học do quốc tế đã định đoạt. Ở chỗ này chúng ta có thể nói thêm là quyền danh từ khoa học của Hoàng-xuân-Hân không nên dùng nữa và nên bỏ đi hơn là đem dùng vào chương trình giáo dục, vì dùng Hoàng Xuân Hân khiến cho học sinh ngớ ngàng thêm trước ngưỡng cửa đại học, dùng Hoàng xuân Hân tức là chúng ta đi vào đường lối phản tiến hóa, ngu dân và gây cho học sinh có những tấm lòng dố kỵ khó hiểu... Chúng ta nên đề

cho học sinh trung học quen với danh từ khoa học ngoại quốc ngay từ đệ thất trở đi. Chúng ta nên nhớ là Nhật Bản, Trung Hoa, trong cuộc giảng dạy ở đại học vẫn lấy Ngoại ngữ để giảng dạy. Chúng ta chớ nên quá giàu tự ái, và chớ nên quá bài ngoại khiến đưa dân tộc chúng ta vào con đường cô lập, trong khi chúng ta cần cấp tốc phải hòa mình vào văn hóa ngoại bang để cầu mong thu lượm được cái hay cái giỏi của người. Muốn cho sinh viên Đại học nghe ngoại ngữ cho quen chúng ta có thể cho học sinh trung học, học các bài khoa học bằng ngoại ngữ từ đệ tam. Và ba năm liền nghe giáo sư Việt giảng bài bằng ngoại ngữ. Chúng ta có thể nghe giáo sư ngoại quốc giảng bài bằng ngoại ngữ ở cấp đại học không vấp vấp gì cả. Cái lầm của chúng ta từ hai mươi năm nay, là ở chỗ nhân viên chánh phủ cũng muốn tỏ cho họ biết

là ta cũng có đôi chút tinh thần yêu nước đây, cái gì cũng phải được giảng dạy bằng tiếng Việt thì mới là quốc gia thực sự, Tinh thần tự ti mặc cảm của những người có trách nhiệm về quốc gia giáo dục trước trào lưu tự cường, tự lực, đã làm cho họ quên không tính đến ngày hôm nay, trước viện Đại học, trăm ngành nghìn ngọn chằng sinh viên VN, với sức học ngoại ngữ kém cỏi, không biết là thế nào để thấu hiểu mọi bài giảng dạy về khoa học như còn trong thời vong quốc. Vì vậy chúng ta thấy học sinh và sinh viên bây giờ sức học kém học sinh và sinh viên ngày trước rất nhiều .. Cái lỗi không phải là tại có một vài trường Tây còn tồn tại, cái lỗi là ở lớp người lãnh đạo giáo dục, thiếu trách nhiệm, thiếu lo xa, và không nghĩ gì tới tiền đồ của quốc gia dân tộc....

Thực vậy, một học sinh trung học đồ xong bằng cao đẳng tiểu học

(trung học Đệ nhất cấp bảy giờ) như Phạm Quỳnh với số học lực ngoại ngữ hấp thụ được có thể học lấy đề sau này làm giáo sư đại học, hay sang diễn thuyết tại Viện Hàn Lâm Pháp quốc.

Một học sinh Trung học bảy giờ, cho đồ xong Tú tài, bước chân vào Đại học mà còn phải tranh luận về chuyện ngữ tiếng Việt hay ngoại ngữ thì cũng là một điều đáng buồn.

Việc thứ nhất chúng ta phải lo làm thế nào cho sinh viên không e ngại ngoại ngữ. Ở các nước Âu Tây các sinh viên phải hiểu ngoài tiếng mẹ đẻ ra thêm 2 ngoại ngữ nữa. Tại làm sao chúng ta lại có cái tự ti mặc cảm là học ngoại ngữ chỉ là cái học làm đầy tớ. Cái học là ở chính sách trị dân chứ không phải ở ngoại ngữ kém hay không kém. Chúng ta cũng phải tỏ cho bằng người là phải hiểu thấu 2 ngoại ngữ. Tương 7 năm trời học

tập ở cấp trung học, không thể nói là một học sinh đã đậu tú tài lại có thể kém ngoại ngữ được, nhất là hàng năm chúng ta đã thấy bao nhiêu Sinh viên Việt Nam đi du học ngoại quốc, có nước nào bao là sinh viên Việt Nam kém cỏi về ngoại ngữ đâu. Vậy việc đặt ra vấn đề chuyển ngữ ở Đại học không thành vấn đề. Chúng ta chỉ nên hỏi sinh viên của chúng ta đã xứng đáng để vào đại học chưa, đề nếu có phải đi du học nước nào thì cũng không đến nỗi hổ thẹn mình là người Việt Nam. Khi chúng ta đã cương quyết trả lời là xứng đáng rồi... Chúng ta không phải ngại một may mắn nào rằng sinh viên VN sẽ kém cỏi sinh viên ngoại quốc trên mọi phương diện. Sinh viên là tương lai của đất nước. chúng ta không thể để những tiếng kêu gào hèn kém, thiếu khí phách, thiếu thể thống hàng ngày lên tiếng bắt nạt một số lãnh tụ giáo dục quá tự

ti mặc cảm về những hành động quá khích của mình.

Muốn cho một quốc gia hùng cường, chính phủ nước đó phải có đầy đủ tinh thần hướng dẫn sinh viên, lên con đường vinh quang đầy hứa hẹn, chính phủ phải trong sạch, phải cố gắng, phải hy sinh trên mọi vấn đề.

Chính phủ cố gắng, tự nhiên sinh viên phải cố gắng. Không bao giờ người ta thấy ăn chơi, nay ca vũ mai nhạc kịch hay bày trò giải trí chỗ này, mai bày trò giải trí chỗ khác mà sinh viên học sinh lại chịu khó vui đùa vào sách vở bao giờ. Chính phủ phải làm kiểu mẫu cho nhân dân noi theo

Chỉ một chính quyền có chính nghĩa, một chánh quyền có chính sách, một chính quyền có chính đạo mới có thể mạnh mẽ và không bị dân cùng dìm đất thanh niên tới vĩnh quang và đưa quốc gia tới cảnh phú cường thịnh trị được.

Việc thiếu giáo sư giảng dạy

Chúng ta đừng tưởng rằng cứ dành lấy độc lập, rồi chúng ta muốn gì cũng được. Việc học hành thì anh dạy em nghe, kẻ đi trước dẫu dắt kẻ đi sau khó gì chuyện đó. Nhưng khi chủ quyền nằm trọn vẹn trong tay, mới hay chúng ta còn ngỡ ngàng đủ thứ. Việc thiết lập một trường đại học với đầy đủ các ban và các giáo sư giảng dạy thực là

một điều nan giải. mười năm trời nay, thoát hẳn nôi thống trị của Pháp, chúng ta chưa giải quyết nổi vấn đề giáo sư đại học, chúng ta chưa có một phương châm giáo dục nào, đề dìm đất thanh thiếu niên mở đường tiến hóa cho quốc gia dân tộc, thực là một điều mà tất cả những ai dám nhận lấy trách nhiệm lãnh đạo giữ quốc gia phải lấy làm xấu hổ. Rồi trước các vụ đòi hỏi của sinh viên, các bậc có trách nhiệm không biết thế nào là phải thế nào là trái, đành cứ nhượng bộ là nhượng bộ. Sự kiện này xảy ra từ ba năm nay, nguyên nhân chỉ vì các giai cấp lãnh nhiệm vụ giáo huấn sinh viên đã không làm trọn nghề này mà lại xen lẫn vào công việc chính trị, mà làm chính trị kiểu đề hèn nhất, tức là nịnh bợ ca tụng họ Ngô kẻ thù của dân tộc tổ cáo sinh viên, môn đệ của mình là phản động, khiến cho tình thầy trò cao quý nhất từ xưa tới nay, vì hành

động phần bội của mấy tay trí thức vong bản khiến một phút hóa ra tan tành, hóa thành vô nghĩa... Và tồn chỉ quân sự phụ không còn có một mảy may giá trị gì...

Việc đáng buồn cười là trở ra lệnh cho thầy chú không còn phải thầy mở đường chỉ lối cho học trò nữa. Với cung cách này, lẽ dĩ nhiên thi cử cũng không ra gì và giảng dạy cũng không ra gì nốt. Vì lẽ đó sinh viên Việt Nam so với sinh viên thế giới phải chịu là kém cỏi, trái ngược với trước kia, sinh viên Việt Nam đi đâu cũng được tiếng là học giỏi và thông minh hơn người dù sự học đó chưa đem lại cho quốc gia dân tộc một hiện tượng đẹp đẽ tuyệt đối.

Nhưng muốn nói sao thì nói điều đáng buồn mà chúng ta nhận thấy là trình độ sinh viên hiện nay kém hơn trình độ sinh viên ngày trước rất nhiều, và không phải là riêng về

sinh ngữ mà cả về phương diện hành văn tiếng Việt...

• Phải cương quyết trên lĩnh vực huấn luyện nhân tài. Không bao giờ chúng ta có thể đề chính sách nước chảy ngược, học sinh sinh viên chỉ huy giáo sư như tình trạng trên ba năm nay ở nước Việt Nam thân yêu của chúng ta.

Trở lại vấn đề thiếu giáo sư, chúng ta không thể tìm cách nào hơn là mượn thêm giáo sư ngoại quốc, Đức, Nhật, Pháp, Anh, Mỹ, chúng ta phải mượn, vì chúng ta không thể đề những bạn sinh viên vừa mới đậu ở trường ra song quay lại dạy các sinh viên mới vào trường. Những giáo sư đó thiếu kinh nghiệm, chỉ có thể kiểm thảo lại sự học vấn của các sinh viên mới, chưa thể dùng để giảng dạy. Muốn giảng dạy ở Đại học, các giáo sư phải là những nhà chuyên môn, những học giả, những nhà

thông thái đã lẫn lóc lâu năm vì một chuyên khoa gì, mới hiểu rõ thấu đáo vấn đề, có ngành có ngọn chớ đề các sinh vừa ở trường ra, kinh nghiệm còn bở ngỡ như chim chích vào rừng, thì chỉ bảo làm sao nổi cho các em mà trình độ học vẫn chỉ kém có năm ba năm học...

Cậu sinh viên mới tốt nghiệp ra khỏi trường, chưa có thể cho dạy học ngay, chúng ta hãy tạm cho làm phụ giáo sư.

sau khi giáo sư ngoại quốc giảng bài, vị phụ giáo có thể giảng lại cho sinh viên bằng Việt ngữ. Như vậy trong hai ba năm các vị giáo sẽ thay dần các giáo sư ngoại quốc ở lớp dưới rồi dần dần lên lớp trên trong năm năm, mười năm, khi chúng ta có đầy đủ giáo sư rồi chúng ta sẽ có thể không cần nhiều tới giáo sư ngoại quốc nữa.

Tuy vậy, chúng ta vẫn phải ép

buộc các sinh viên phải trau dồi sinh ngữ, vì trong khi khoa học chúng ta chưa bì được người chúng ta vẫn phải học của người và vẫn phải đón các giáo sư siêu việt ở nước ngoài sang đây ở đại học đường Việt Nam.

Làm như vậy, trong giai đoạn hiện tại, một mặt chúng ta đưa các sinh viên học thêm ngoại ngữ một mặt các sinh viên hằng ngày nghe giảng bài bằng ngoại ngữ chớ nào không hiểu hỏi lại các vị phụ giảng. rồi dần dà không còn có thể bỏ ngỏ trước vấn đề sinh ngữ khó nghe và khó hiểu nữa.

Một mặt khác, chúng ta đòi hỏi các giáo sư đại học phải dứt khoát với chính trị, đừng có nay chạy theo chính phủ này cầu chúc bộ trưởng, mai chạy theo chính phủ kia xin chức Tổng giám đốc. Giáo sư đại học phải là người thoát tục

(xem tiếp theo trang 87)

THỰC TRẠNG XÃ HỘI TRONG THI CA TRẦN - TẾ - XƯƠNG

TRẦN LỮ NGUYỄN KHANH

«Nước bốn nghìn năm hồn chưa tỉnh
Người hai lăm triệu giấc còn say»

T.T.X

N GÀY rằm tháng chạp năm Bính Ngọ (29-1-1907) niên hiệu Thành Thái thứ 18 — nhà thơ Non Côi sông Vị trút hơi thở cuối cùng tại làng Địa tứ huyện Mỹ lộc tỉnh Nam Định, mang theo tâm sự cô đơn, u uẩn về bên kia thế giới

Trần tế Xương—một nhà thơ yêu nước, một chứng nhân thời đại—đã cam chịu cuộc sống bi thương trong sự chuyển mình của lịch sử. Một tâm hồn phóng đảng trong xã hội loạn ly. Dù vất vưởng bơ vơ nhưng thi sĩ đã sống bằng ý thức phản tỉnh trước thâm kịch của nội tâm.

Nhìn lại cuộc đời nhà thơ sông Vị đã đúc kết bằng ba chu trình liên tiếp: Canh Ngọ, Giáp Ngọ và Bính Ngọ trong cơn binh lửa từ lúc tiếp nhận cuộc sống cho đến ngày an nghỉ miền quê ngoại. Thơ văn Trần tế Xương đã thể hiện tinh thần yêu nước của người dân Việt và vai trò sĩ phu trong những năm đen tối, binh đao. Trên thi đàn Việt Nam có bao nhiêu nhà thơ dám phơi bày thực chất của mình

cũng như thực trạng xã hội? Có bao nhiêu nhà thơ dùng ngôn từ trong sáng để lưu lại hậu thế bằng tiếng nói của lương tâm một cách chân thành, tha thiết?

Từ ngày gót ngoại xâm của Rigault de Renouilly ngày 30 tháng 8 năm 1858 cho đến bước thoái lui của De Castere ngày 20 tháng 7 năm 1954. Dân tộc Việt Nam đã nhận lãnh cảnh đau thương tang tóc của chiến tranh, bao nỗi vinh nhục với quê hương, tổ quốc.

Sống giữa một thời đại vừa chịu những thành kiến cũ, cùng nề nếp một chế độ quân chủ chuyên chế vừa chịu sự bảo hộ của Pháp. Trong thời gian tranh sáng tranh tối ấy con người biết tìm nơi đâu một điểm tựa đích thực? Tin tưởng nơi giới quan lại hư lâu của nước nhà hay nơi Thực dân? Có chăng ở những người bán nước cầu vinh ở những kẻ bán mình, không kể gì đến quốc thể đề trù ần bằng đồng tiền và danh vọng. Cùng thể hệ với Tú Xương nhà thơ Tam Nguyên Yên Đổ đã cảm xúc, bàng hoàng khi nghe tiếng quốc kêu:

Khắc khoải sầu đưa giọng lừng lơ

Ấy hồn Thực Đế thác bao giờ?

Năm canh máu chảy đêm hè vắng

Sầu khắc hồn tan, bóng nguyệt mờ

Tiếng quốc ấy gọi lên trong tâm huyết người sĩ phu một nỗi buồn man mác, triền miên. Bằng tiếng than của kẻ « lạc đường » nhìn cảnh gia biến và giang sơn đang lịm mình trong bóng đêm. Trăn, Trĩ Xương không nghe tiếng quốc kêu, chỉ mang âm hưởng một loài ếch vọng lại nhưng là tiếng vọng gọi của tha nhân:

Đêm nghe tiếng ếch bên tai

Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đàng.

Ý thức phản tỉnh ấy phải chăng là nỗi dẫn dắt một nhà nho trước sự thăng trầm của đất nước?

Thơ văn Trần tế Xương nhuốm lấy bản sắc dân tộc từ tư tưởng ngôn ngữ, xã hội đến tình cảm. Chúng ta thử tìm hiểu thực trạng xã hội cách chúng ta hơn nửa thế kỷ diễn tiến

Nhìn về chế độ thực dân và chế độ phong kiến qua chế độ tự do nhiệm màu sắc tây phương để nhận diện con người thơ với dân tộc Việt Nam.

Vào năm 1862, những trận đánh liên tiếp xảy ra ở miền Nam rồi lan dần đến miền bắc. Bao vị anh hùng đã hy sinh vì tổ quốc. Những Võ Duy Ninh (1859), Phan Thanh Giảng (1867), Nguyễn Tri Phương (1874), Hoàng Diệu (1882), Phan Đình Phùng (1895) Nguyễn Trung Trực.... Nói lên lòng trung quân ái quốc, lòng tiết tháo của người Việt cho ngoại bang thấy rõ. Những cao trào tranh đấu, những vị anh hùng, những nhà cách mạng đứng lên thành lập tổ chức kín để chống lại Thực dân Pháp. Giai đoạn từ 1862 đến 1913 là thời kỳ chiếm đất và đặt nền móng của Thực dân. Sau khi có cơ sở vững vàng, Thực dân đưa ra những âm mưu thâm độc: đầu độc tuổi thanh niên, làm đôi trọi nền văn hóa dân tộc để dễ bề thôn tính, Và cũng từ đó thực dân bắt đầu hà khắc đàn áp những người dân mang giòng máu Lạc Hồng, bắt khuất trước bạo lực.

Trước hoàn cảnh đó, con người yếu đuối dần, một số sĩ phu tâm huyết không gây dựng nổi cơ đồ khi đa số còn mê muội. Tú xương đã nằm trong trạng thái nửa mê nửa tỉnh để tự vấn mình trước bi kịch đó :

Nằm nghe tiếng trống, trống canh ba

Vừa giấc chiêm bao chợt tỉnh ra

Thiên hạ có khi đang ngủ cả

Việc gì mà thức một mình ta

Trước sự hiện diện của người Pháp khi nắm quyền thống trị trên lãnh thổ Việt Nam, một số người không biết nhục, chạy xô bồ theo kẻ bạo lực để phản bội dân tộc. Thi sĩ đã phát họa nên khuôn mặt đó :

Hà nam danh giá nhất ông cò

Trông thấy ai ai chẳng dám ho

Những giờ phút nghiêm nhặt của thực dân đặt ra làm mọi người phải phập phồng lo sợ. Tuy đau buồn vì chịu ách thống trị của bọn xâm lăng đau buồn trước cảnh người Việt làm thân « trâu ngựa » cho bọn đó. Tú Xương vẫn mỉm cười chua chát trước ông cò :

Ngớ ngẩn đi may vớ được

Chuyến này ắt hẳn kiếm ăn to.

Dưới chế độ thực dân dĩ nhiên kẻ bon chen theo đường lợi danh được nhiều hưởng thụ, quyền hành. Phương chi địa vị một ông thầy phán :

Tối rượu sâm banh sáng sửa bờ.

Bất cứ thời kỳ nào ? Đồng tiền mang theo một cái gì huyền nhiệm, nó lôi kéo con người đi ngược lại trách nhiệm, lương tâm của mình, thúc đẩy lòng ham muốn của con người vào vòng tội lỗi. Tình yêu người con gái thời đó nhằm đối tượng vật chất, đúng hơn ở túi tiền của người Pháp. Họ nhắm ở những người đó, hay bọn tay sai của kẻ đó. Thi sĩ kinh tởm kêu lên :

Gớm gan cho những cô con gái

Còn rũ rề nhau lấy các thầy.

Thực trạng này do xã hội đào tạo nên hay là lỗi kiểm ăn duy nhất của bọn người nọ ? Nó có diễn lại tấn tuồng đó mãi chăng ? Hay là một định luật đã đặt ra như vậy ?

Tình trạng rối loạn làm cho người Việt chán ngán. Người Pháp muốn biến Việt-nam thành một thuộc địa, muốn diệt tinh thần yêu nước để biến xã hội thành những con buôn khờ dại cho chúng dễ điều hành. Bên cạnh đó, chế độ phong kiến giết dần mòn những cơ hội thuận lợi, những ý tưởng mới trong việc cải tạo dân tộc. Nếu có tiếng trống nào gióng lên, bọn tham ô lo sợ, viện lẽ tiếng trống phản loạn để dẹp đi. Một số đua nịnh hối lộ, bóc lột dân nghèo, miễn sao cho đầy túi không kể gì đến điều sĩ nhục phải trái :

*Tri phủ Xuân Trường được bốn niên
Nhờ trời hạt ấy được bình yên
Chữ «Y» chữ «chiếu» không phê đến
Ông lại phê ngay một chữ tiền.*

Cũng thời ấy, một ông «quan tại gia» làm việc nhà nước bằng
cặp mắt ngạo mạn, sống lây lất trong thơ rượu, không màn gì nơi
«đồng tiền» thực dân. Lành lương nghèo của vợ:

*Hỏi ra quan ấy ăn lương vợ
Đem truyện trăm năm cũ lại bàn.*

Một cảnh tượng điêu tàn, con người lại ở trong tình trạng bất
an. Nguyễn Đình Chiểu dù mù lòa cũng nhận rõ cảnh bi đát:

*Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây
Một bàn cờ thế phút sa tay
Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy
Mất bố bầy chim nhớn nhác bay.*

Trước thực cảnh nào cũng vậy, một số người thối nát lẫn
trốn bốn phận của mình, làm quan thì không lo lại theo cờ bạc, rượu
chè, lơ sa cơ như ông Đốc học — vào trường hành tội những mái đầu
vô tư. Trần tế Xương mĩa mai châm biếm:

*Ông về đốc học đã bao lâu
Cờ bạc rong chơi rất một màu
Học trò chúng nó tội gì thế?
Đề đến cho ông vợ được đầu.*

Một điều đau đớn là sự suy tàn của tôn giáo. Một lợi diễm
của thực dân. Chúng nhận thấy tôn giáo là cái gai, cái móc trước mắt
chúng, muốn diệt trừ dần cho tiện xấu xé. Nếu Nguyễn Du đã chứng
kiến trước «những điều trông thấy mà đau đớn lòng» thì nhà thơ bất
hạnh miền sông Vị đã ê chề, ngao ngán thân phận bé nhỏ và nhân tình
đời thay.

Nhất là ách khoa cử của thực dân đặt ra, giết đi tuổi thanh

xuân. Cảnh nghèo túng và nạn khoa cử chính là tiêu đề cho nhà thơ non Côi sông Vĩ. Thi hồng, nhà nghèo, ông đành chịu sự nhục nhã cho cảnh bần hàn, thi sĩ lại than :

Tám khoa hương thí không đâu cả

Ba luống vườn hoang bán sạch rồi

Vừa đau buồn chán ngán, vừa châm biếm chế độ thi cử do thực dân bày vẽ. Dù thất vọng :

Bụng buồn còn muốn nói năng chi

Đệ nhất buồn là cái hồng thi.

Nhưng ông cũng khôi hài đùa cợt :

Một đàn ông hồng đứng mà trông

Nó đồ khoa này có sướng không ?

Cho khuấy khỏa nỗi đau buồn, thi sĩ tự an ủi mình bằng tự khôi hài trước kết quả :

Trên bảng năm mươi thầy cử đội

Bốn kỳ mười bảy cái ưu thông.

Thật là thời kỳ mặt phấp. Nho giáo cũng như Phật giáo bị suy tàn. Với thi cử, một bậc túc nho, học lực uyên thâm như cụ Phan Bội Châu lại mang án hoài điệp văn tự. Kẻ ngu dốt có tiếng ở Bắc Việt cũng bằng cấp khoa danh. Một bài thơ trêu chọc lại vang lên trong năm Đinh Dậu :

Hai đứa tranh nhau cái thủ khoa

Đứa khoe văn hoạt đứa văn già

Năm nay đỗ rất phùng hay chữ

Kìa bác Lê Kia cũng thứ ba

Nhìn cảnh tượng nơi quan trường diễn ra một cách ngay
ngỗ lừa bịp. Thi sĩ phác họa một bi cảnh :

*Nhà nước ba năm mở một khoa
Trường Nam thi lẫn với trường Hà
Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ
Âm oẹ quan trường thét la*

Buồn cười khi hỏi đến ông tiến sĩ mới đỗ, Tú Xương về lên
trong nét khôi hài :

*Nghe văn mà gớm cho văn nhĩ
Cờ biên vua ban cũng lạ đời.*

Cái nợ cầm thư vẫn đeo đẳng bên tâm hồn nhà thơ, có đôi
khi thi sĩ vẫn cương quyết hùng hồn như Nguyễn công Trứ, thi sĩ
nhất định :

*Mở mắt quyết cho vua chúa biết
Mua danh kéo nữa mẹ cha già*

Hay :

*Khoa này ta hỏng khoa sau đồ
Chẳng những lương đường cũng thủ khoa.*

Nhưng sự thật bao giờ cũng bi đát. Thi sĩ trở về với nỗi chua
xót cùng tâm sự tủi nhục bên mình :

*Đau đớn đòn hằn rất hơn lửa bỏng
Tủi bút tủi nghiên, hồ lều hồ chông
Đề rồi thi sĩ than trách chớ số phận mỏng manh :*

*Ví phỏng còn thi mà học mãi
Toi còm tổn vãi hại mà thôi.*

Một khi nền khoa cử, văn hóa bị đè bẹp, nền luân lý sao tránh

khỏi cảnh sa đọa. Tú Xương nhận rõ thực trạng đó trong một gia đình đang đổ vỡ :

*Nhà kia lỗi đạo con khinh bố
Mẹ vợ chanh chua vợ chửi chồng.*

Nho giáo cũng xuống dốc cho đến nỗi :

*Cái học nhà Nho đã hỏng rồi
Mười người đi học chín người thôi
Cô hàng bán sách lim dim ngủ
Thầy khóa tư lương nhấp nhòm ngời*

Bên ngoài cuộc chiến vẫn tiếp diễn, những vị anh hùng nổi dậy đánh lại lãnh thổ nhưng chỉ là những tia chớp trong đêm tối.

Người Pháp dùng người Việt trị người Việt, giải đất chữ S làm bãi chiến trường để chém giết nhau, làm mồ cho thực dân, mất đi những thời kỳ vàng son dưng mãnh.

Cùng hòa ước Harmand ngày 25 tháng 8 năm 1883 và hòa ước Patenôtre ngày 6-6-1884 là cái nhục lớn cho dân tộc Việt Nam. Một bầu trời đen tối đang chụp vào những tâm hồn thức tỉnh. Pháp đòi quyền thừa nhận của vua Việt Nam, dần dà tách Bắc Việt ra khỏi thế lực của triều đình Huế. Âm mưu toan lấy lãnh thổ thể hiện một cách rõ rệt và đê hèn của Thực dân càng ngày càng tăng. Giữa thời đại tam vương tứ nguyệt, triều đình như bất lực trước sự sống còn của dân tộc. Nền kinh tế khủng hoảng

Cho đến khi triều đình không nghĩ gì đến kế sinh nhai của dân chúng, chánh trị rối ren, kinh tế kiệt quệ, còn chuyên chế phong kiến, óc thực dân đẩy đẩy trên lãnh thổ bé nhỏ này. Trần thanh Mại đã ghi lại câu chuyện huyền hoặc trong quyền Trông dòng sông Vị, ý nói một ông Tú thất nghiệp, đông con. Tuy là một huyền thoại nhưng nói lên thực trạng xã hội đó. Trần tể Xương đã mang lấy một cái áo

chưa từng có trong các hình luật, nói như Trần thanh Mại, là cái áng
ông tú tài thất nghiệp đồng con, Một xã hội đang ở trong tình trạng
phân hóa, đất nước mang những thảm họa, đắng cay.

Qua thơ văn Trần tế xương, chúng ta nhận thấy tinh thần sĩ
phu VN trước sự xâm lăng của ngoại bang. Luôn luôn nghĩ đến sự
tồn vong của đất nước. Là một nhà thơ yêu nước Trần tế Xương
nói lên nỗi quan tâm của thi sĩ đối với dân tộc, nói lên nỗi cô đơn,
khắc khoải khi vọng về nhà cách mạng—Phan Bội Châu—ở hải ngoại.

Trần tế Xương đã dùng trang thơ để bộc lộ tâm trạng người
dân yêu nước khi nhìn quê hương, mắt dần trong tay kẻ thống trị.
Những lời thơ thống thiết của con người bất lực trước ngoại cảnh

Khuôn mặt xã hội đã
thay đổi hẳn, đến nỗi ý thức siêu nhân của những nhà nho cũng mờ
nhạt. Là một nhà thơ trào phúng, Trần tế Xương phơi bày cái thảm
trạng của giai cấp xã hội lúc suy đồi.

Vào hậu bán thế kỷ 19 một chứng nhân với ý thức đạo đức.
quay lại nhìn dân tộc trong niềm đau xót, băng khuâng :

Nước bốn nghìn năm hồn chưa tỉnh

Người hai lăm triệu giấc còn say.

Chưa tròn một thế kỷ,

nhà thơ Trần tế Xương không còn, nhưng tâm hồn, ý hướng nhà
thơ còn mãi nơi tấm lòng thiết tha của người dân Việt hôm nay.

nhìn lại thi ca phơi bày thực trạng của Trần
tế Xương, người yêu nước nghĩ gì cho thế hệ đang tiến tới ? Có còn
mãi tiếng trống vọng lên giữa màn đêm.

TRẦN LƯU NGUYỄN KHANH

Nhớ tiếng chuông chùa

Ngồi đây đếm lại thời gian
Tim khô máu đọng lệ tràn bờ mi
Ngàn phương tìm lại những gì?
Gót chân lãng tử lần đi qua rồi
Hoang vu đại lộ mình tôi
Hành trang chỉ một mối sầu quê hương
Choàng vai áo lạnh lên đường
Chân mây bạt gió niềm thương tan dần
Còn đâu nghe tiếng chuông ngân
Vết hằn ghi dấu cho lần ra đi
Nói năng, biết nói năng gì?
Chỉ gom thành một vắn thi cuối đường

Trại nhập ngũ số 2 Trung tâm huấn luyện Quang-Trung

Ngày 31-10-1966

THÍCH GIÁC NGHĨA

Đoàn kết

để
bảo vệ

HÒA BÌNH

I- Đoàn kết Tôn giáo

DOÀN kết dân tộc dễ mà đoàn kết tôn giáo rất khó. Lịch sử đã chứng minh điều đó. Đã đổ bao nhiêu máu trong mọi cuộc Thánh chiến mới xuất hiện được hai vị Giáo Hoàng Jean XXIII và Paul VI và có những Cộng Đồng Vatican mở rộng cửa đón tất cả mọi tư tưởng khác biệt và đứng ra hô hào hòa bình cho nhân loại ở thế gian.

Đức Giáo Hoàng Jean XXIII đã tiếp rẽ của Krouchev, ông trùm Cộng sản. Đức Giáo Hoàng Paul VI đã tiếp Đại Đức Nhất Hạnh.

Hiện nay Đức Giáo Hoàng với U Thant (một Phật tử) là hai nhân vật quan trọng nhất lãnh đạo cuộc vận động hòa bình chống

Tất cả mọi phong trào hòa bình đều trực tiếp hay gián tiếp đặt dưới sự bảo trợ tinh thần của hai nhân vật đó.

Nhưng không có lý chính người Việt Nam lại im hơi lặng

tiếng. Bởi vậy nên mới có những cuộc tranh đấu chống bạo quyền nhà Ngô và đòi chủ quyền đất nước.

Gần đây phái đoàn của Vatican tới đề đoàn kết các tôn giáo trong công cuộc vận động Hòa Bình cố nhiên là không thể bỏ qua được cái tượng trưng và những lực lượng hòa bình của Phật giáo

Một mình Phật giáo mà còn làm được như vậy huống ch nay lại có cả Thiên-Chúa-Giáo và tất cả các giáo phái khác được Đức Giáo Hoàng và Đức Tăng Thống đờ đầu.

Trong thời kỳ chiến tranh quốc gia rất cần nhiều người cầm súng nhưng tốt hơn hết là sáp nhập tất cả vào quân đội quốc gia mà không nên cho mang danh nghĩa của đạo này, đạo khác và như thế sẽ khỏi làm cho những bàn tay hòa bình dính máu, tổn thương đến sự đoàn kết tôn giáo đề phụng sự hòa bình.

May mắn là trong mặt trận đoàn kết tôn giáo này lại có Phật giáo là một đạo cấm sát sanh và đã thâm nhập vào Việt Nam, theo đường lối văn hóa không dựa vào thế lực của một đạo binh Viễn Chinh nào. Được Phật giáo làm nòng cốt và được sự bảo trợ của Đức giáo Hoàng, tôi tin rằng mặt trận đoàn kết tôn giáo này sẽ đầy đủ uy tín và lực lượng đối với bọn người hiếu chiến.

II- Đoàn kết quốc tế

Hồi kháng chiến chống Pháp lại là hồi tôi gần với người Pháp nhiều hơn hết. Có những người Pháp dân chủ, có những người Pháp xã hội, có những người Pháp lương thiện muốn tìm hiểu dân tộc Việt Nam bởi vì thật sự họ kính trọng lòng yêu nước, chí bất khuất và gan dạ anh hùng của một dân tộc đã từng chịu đựng sự đô hộ của bọn thực dân Pháp. Những người bạn Pháp đã nhìn nhận sự chánh nghĩa của kháng chiến và còn tranh đấu để ủng hộ cái chánh nghĩa đó.

Nhưng từ khi người Mỹ ở xứ này thì tôi không có người bạn Mỹ nào cả. Tôi không biết tiếng Anh và cũng làm biếng không chịu học vì sợ ngửa miệng làm quen nói chuyện với người Mỹ thì lợi chẳng thấy đâu mà có ngày mang lụy. Đọc sách báo nói về những hoạt động của C.I.A. ở khắp nơi trên thế giới mà phát khiếp. Tôi có thành kiến với người Mỹ và cho rằng tất cả những người Mỹ có mặt ở Việt Nam đều dính lư nhiều ít với C.I.A.

Nhưng khi thấy phát động phong trào phản chiến ở Mỹ thì

Đôi lại thấy rằng tôi đã nghĩ oan cho một dân tộc có những người
nghĩa khí và lương thiện, có khi còn hăng say hơn người Pháp nữa.

Tôi ao ước có vài người như thế, qua đây mà nói chuyện,
thì thú vị biết mấy. Đã từng là đảng viên đảng xã hội tôi không
có óc quốc gia hẹp hòi và có tinh thần quốc tế khá vững vàng.

Nhưng khi có phái đoàn Hòa Bình do Mục sư Murte cầm
đầu qua thăm VN thì tôi lại hoàn toàn thất vọng. Không phải
thất vọng vì mấy ông mà thất vọng vì sự đón tiếp của đồng bào
tôi đối với mấy ông.

Trong hoàn cảnh như thế tốt hơn là đừng giao thiệp với
người Mỹ là thượng sách.

Vậy mà rồi cuộc tôi cũng bị gặp người Mỹ tới hai lần,

Lần thứ nhất tôi gặp một ông ở hàng Vô Tuyến Truyền
Hình C.B.S ông kiểm tôi vì biết tôi là một cựu kháng chiến. Ông
yêu cầu tôi trả lời cho một cuộc phỏng vấn VTTH. Hồi đó là sau
cuộc chỉnh lý Tướng Khánh đang trị vì. Tôi là bạn của bố ông mà cũng
ngán ông thấy mờ. Tôi yêu cầu không đề lộ danh tánh, cho tôi
được mang kính đen và chỉ chụp ngang, không chụp thẳng, đừng cho
ai nhận được mặt của tôi. Còn giọng nói thì không ai để ý tới làm
gì. Cố nhiên là những lời nói của tôi cũng chỉ là những lời nói
hòa bình không khác với những gì tôi đã viết lên báo từ trước tới
nay. Ông Mỹ hứa sẽ giữ bí mật nhà nghề và tặng tôi một ống vó
và một hộp thuốc cùng với những lời khen ngợi ngoại giao hay
thành thật. Tôi giữ kín việc đó, cả những bạn rất thân cũng không
đem rỉ hơi. Cho tới nay bí mật vẫn không bại lộ, tôi thấy rằng

người Mỹ không phải đều là CIA và đâu có CIA chẳng nữa họ cũng không đến nổi tiêu nhân và hèn hạ.

Mới đây, tôi ngẫu nhiên lại gặp một ông Mỹ nữa. Ông tự giới thiệu là nhân viên tòa Đại sứ Mỹ. Ông cũng biết tiếng Pháp chút đỉnh nhưng nghe được và nói được. Ông muốn biết ý kiến tôi về viện trợ Mỹ. Tôi thẳng thắn cho ông biết rằng viện trợ đó rất cần ích cho nước ta nhưng nó đã sai lầm ngay từ khởi điểm vì Mỹ đã bắt đầu viện trợ cho thực dân Pháp để tái chiếm nước ta. Tôi không nói phong trào kháng chiến hoàn toàn quốc gia nhưng đâu có Cộng sản thì họ cũng chỉ là thiểu số. Đuổi được Pháp đi rồi viện trợ Mỹ lại giao cho ông Diệm do người Mỹ đem về, và chung quanh ông Diệm lại chỉ toàn những kẻ trước kia đã hợp tác với Pháp. Còn những người kháng chiến trở về đoàn tụ với gia đình thì lần hồi bị nhốt theo đạo dụ số 6, nghĩa là chẳng cần đem xử trước tòa mà cho là tình nghi VC cần phải nhốt lại để bảo vệ an ninh.

Tôi kết luận: « Je conclus que l'aide américaine est mal partie ».

Ông bạn Mỹ tỏ vẻ ngậm ngùi và nhìn nhận rằng lúc đầu quả thật đã không biết nên mới có những sai lầm đáng tiếc như thế.

Tôi nói: Tôi nhìn nhận ông thành thật. Cứ một thái độ thành thật đó cũng đủ đánh tan tất cả mọi thành kiến của tôi đối với người Mỹ. Nhưng đã biết mình sai lầm thì phải « sửa chữa ».

Cố nhiên anh bạn Mỹ này không phải chịu trách nhiệm về những sai lầm của người Mỹ và cũng không có thể lực gì trong mọi việc sửa sai về chánh sách của Tổng Thống Johnson.

Nhưng ít nào thái độ của anh cũng giúp tôi thay đổi được những quan niệm sai lầm của tôi về người Mỹ. về dân tộc Mỹ mà tôi cần phải tìm hiểu hơn nữa để sau khi hết giặc, hết hận thù, hai dân tộc còn cần phải chung sống với nhau một cách hòa bình và thân ái.

Tình đoàn kết quốc tế rất cần thiết trong thế giới ngày nay nhất là sau khi đã được nghe Đức giáo Hoàng và Đức Tổng thống chỉ thị cho loài người phải đem tình thương phủ lên sắt thép.

**Phật pháp (tại thế gian) bất ly thế gian
giác ; ly thế mịch Bồ-đề, du, như cầu
thổ giác.**

DỊCH NGHĨA : Phật pháp ở giữa đời
« giác ngộ » không lìa đời ; lìa đời tìm
Phật pháp, như tìm sừng thỏ vậy.

ĐÔNG-ĐỪNG

Ở tỉnh Phi Chit, một tỉnh thuộc khu Tây

Nam nước Tháilan

có một tên tướng cướp. Nó rất hung tàn như một thằng quỷ sống. Không những nó cướp bóc giết

Tên tướng cướp

hại dân lành; cho tới những chùa chiền nó cũng không từ.

Mỗi khi hắn tới phá hoại tan hoang ở nơi nào thì nó sung sướng. Trong ánh lửa của những ngôi chùa

ngôi nhà bị cháy, nó ngồi oai hùng trên lưng ngựa như một vị hung thần. Trong ánh lửa nó nhìn những vị tu hành cũng như những bà mẹ xông vào những cánh cửa đang cháy để cứu con thì nó cười.

Người ta, những người bị nó dày xéo không ai được trông thấy mặt nó, bao giờ mà chỉ nghe tiếng nó cười, nên cho là nó có phép lạ tàng hình. Lũ cướp đồng đảng với nó cũng nói như thế.

Đã bao năm đau khổ như thế mà không một ai dám nghĩ tới chuyện chống lại nó cả, vì sợ phép lạ của nó. Thế rồi từ đó mọi con đường đều hoàn toàn quang đãng

có phép lạ... ▣

bằng phẳng trước và ngựa ma quải phần người của nó, tên tướng cướp ấy gọi là 'Nai Chôn'.

Có một người đã tin tưởng rằng có thể dùng khoa học và chính nghĩa để trừng trị nó, đó là một nhân vật từng du học ngoại quốc về, nhận chức Châu Mưu (Tĩnh trưởng) Phị Chít.

Trước hết ông ta dùng mào lưới cảnh sát và liên phóng hỏa vây khắp nơi, ông ta gia công tìm tung tích Nai Chôn và đồng đảng bằng những phương pháp khoa học.

Nhưng một hôm ông ta bị giết. Ông ta bị tên tướng cướp Nai-chôn giết trong lúc ông ta vừa tìm thấy một đôi dấu vết của tên tướng cướp có phép lạ. Sau khi ông chết hấp nước Thái-lan người ta đồn a câu chuyện này (?).

Tên Nai Chôn đã tàng hình đi gang nhiên vào phòng ông Tĩnh

trưởng. Ông này tưởng là ma chấp tay cầu khấn. Nhưng nó vẫn phá đồ đạc và xé giấy tờ trước mặt ông Tĩnh trưởng. Khi ông Tĩnh trưởng cúi đầu lạy nó, thì nó cười trong không khí và nó cũng tự xưng danh nó là Nai-chôn. Nó nói không ai chống được nó cả, vì nó có phép lạ và bây giờ thì giờ chết của ông Tĩnh trưởng đã đến. Nó cầm lấy tập kế hoạch mưu bắt nó của ông Tĩnh trưởng xé tan ra; ông Tĩnh trưởng cau mày rút súng lục bắn sáu phát liên. Nhưng nó vô hình thì làm sao mà bắn được, và sau đó ông Tĩnh trưởng Nai-luông-Prat bị nó bóp cổ chết như người ta đã thấy đó.

Câu chuyện này loan truyền khắp nước Thái. Những người xưa nay còn có ý tìm cách bắt nó thì bây giờ hễ tối xuống là chui vào chăn nằm thín thít.

Ông Tĩnh trưởng mới tới nhậm chức chưa được ba tháng, thì một

hôm có một người Việt kiều tới gặp Ông tân Tỉnh trưởng trình rằng :

— Bẩm Ngài, chúng tôi là người ở đồn điền Bận-đông-thăm. Tên tướng cướp Nai-Chôn đã tới bắt mất của chúng tôi ngày hôm qua là hai mươi bẩy con trâu. Giữa mùa cày cấy, thiệt là nguy hiểm. Xin Ông tìm cách bắt nó để chúng tôi có thể lấy lại trâu và người khác sẽ cũng được an cư lạc nghiệp.

Ông tân Tỉnh trưởng thờ dài đáp :

— Chúng tôi không thể bắt nó được, vì nó có phép lạ tàng hình còn chúng tôi chỉ có lính và súng. Tất cả chúng tôi đây đều phải cúi đầu trước phép lạ của hắn. Mong các ông thông cảm và chịu vậy.

Người ta tưởng người Việt kiều kia sẽ cũng phải cúi đầu và cáo lui, nhưng không, người đó thưa

— Thưa ông Tỉnh trưởng, ông hãy cho phép và giúp đỡ chúng tôi trừ khử nó, không những cho

chúng tôi, mà nhân dân Thái ở vùng này cũng đỡ khổ.

— Nhưng các ông không sợ phép lạ tàng hình của hắn sao ?

Thưa ông Tỉnh trưởng, chúng tôi không sợ, nếu sợ thì chúng tôi đã không dám nghĩ, dám nói và dám làm.

Thế rồi ông Tỉnh trưởng chấp thuận trong thái độ lo sợ thay cho đám Việt kiều ở Bận-đông-thăm.

xxx

Tên tướng cướp Nai Chôn chính là một Đại úy của sở Cảnh sát Thái. Y cao lớn và giỏi võ Thái bắn súng cũng tài. Trong khi làm Đại úy chỗ sở Cảnh Sát, y đã ham tiền của bọn trộm cướp để dung túng cho chúng hoành hành, nên y bị thải hồi. Từ đó y trở thành tướng cướp, chủ tướng của tất cả các đảng cướp ở vùng này.

Và ba hôm sau, y dẫn 4 tên thủ hạ mang cả súng đến trước cửa đồn điền Bận đông thăm. Ở trên

một cột cửa cổng đồn điền có dán một miếng giấy lớn. Đó là mảnh giấy của sở đồn điền xin chuộc trâu và mọi tên tướng cướp tót.

Tên tướng cướp rút súng lục bắn vào mảnh giấy dán trên cột vài phát, để báo hiệu cho chỗ chủ ở đồn điền biết là y đã đến.

Nghét tiếng súng hiệu, từ trong đồn điền đi ra 5 người, người đi trước đã hơi đứng tuổi, theo sau là 4 thanh niên, cả 5 cùng bước ra trước những họng súng của 5 tên cướp. Khi trông thấy Nai Chôn quả là một lên rậm râu sâu mắt ngồi hiên ngang trên lưng ngựa. Người đi đầu chấp tay chào và nói :

— Kính lạy chủ tướng, chúng tôi xin chủ tướng cho chuộc lại đàn trâu mà chủ tướng tạm mượn đi đã 5 hôm. Nhưng chúng tôi không muốn chuộc bằng tiền, mà chỉ xin chuộc bằng một bừa vật,

— Các anh có thể chuộc bằng bất cứ món gì, miễn là có giá trị

tương đương với số ta đã bàn định. Rồi hẳn tiếp :

— Bừa vật của các anh là cái gì?

— Kính lạy chủ tướng ! Đó là một viên ngọc.

Đôi mắt ốc nhồi của tên tướng cướp sáng lên :

— Đâu ! Đâu ! Đưa ta coi !

Chúng tôi sợ chủ tướng không vừa ý nên hãy còn để trong nhà. Xin chủ tướng hãy quá bộ vào nhà rồi chúng tôi sẽ đem ra trình chủ tướng xem.

Người đó vừa nói vừa bước vài bước vào phía đồn điền, Ông đưa tay mời :

Xin chủ tướng đừng có ý nghi ngại gì ! Với oai danh chủ tướng chúng tôi đâu dám có ý gì !

Nai Chôn cười sặc sụa, vừa nhảy xuống ngựa và nói :

— Ta buồn cười khi thấy một con cừu, thanh minh với một con

su tử là không có ý mưu hại, khi nó muốn con su tử vào nhà nó.

Trong khi song song cùng đi theo Nai-Chôn. Người Việt kiều đi giữa, như một tia chớp và dẻo như một con trăn, người đó chuyển mình sang thế «đỉnh thân» và đưa hai cánh tay cứng như thép, chụp lấy Nai-Chôn, khóa chặt nó trong một thế nhu đạo kỳ diệu.

Tên tướng cướp bị tấn công bất ngờ không kịp trở tay hãn cổ sức vùng vẫy nhưng vô hiệu quả.

Chỉ trong vòng tích tắc đó 4 thanh niên kia, mỗi người mỗi tên cướp chia nhau cũng làm như thế.

5 phút sau, cả 5 thầy trò đều bị trói khi giữa sân đồn điền, người Thái Lan ở những vùng lân cận hay tin đổ xô nhau tới coi.

Tiếp đó ông tân tỉnh trưởng Phi-chật, cũng điều động lính tới.

Sau một giờ khai thác tra khảo Ông Tỉnh trưởng phân phối lính tráng đi lùng bắt hết những đ. cướp

của Nai-Chôn, cũng như những t. chức mà hãn biết.

Từ đó ở trên đất Thái, cái dư luận tên tướng cướp Nai Chôn có phép lạ không còn nữa. Nếp sống An-lạc trở về với người dân bản xứ

Nhười Việt kiều đó là ai? Ông tên là Trần-đại-Nghị, người tỉnh Bình định, đậu cử nhân, rất giỏi ở Việt Nam. Năm 1905, ông theo phong trào Đông du qua Nhật, học trường «Chấn võ học hiệu» một trường võ bị cao nhất ở Đông-kinh. Ngoài các môn quân sự, chính trị ông còn học thêm môn nhu đạo.

Năm 1908 ông được biệt phái về hoạt động cách mạng ở Thái-Lan.

Ông là quân nhiệm đồn điền ở Bạ đông thăm, một cơ sở cách mạng ở Thái Lan. Năm xảy ra câu chuyện trên ông đã 62 tuổi.

Đông Lăng



hình ảnh

Nương tâm sự trong hoàng-hôn cổ quạnh
Đâu đây về một hình ảnh ba tôi
Viếng thăm với nụ cười
Với tình thiêng Phụ-tử
Không nói, tôi cũng biết được người thương như
Một hồn máu lạc loài
Vất vương đường trần đếm bước một hai
Qua đường rộng, qua ngõ hẹp chìa tay «xin» tất cả
Về chợ lên khơi, bao la quá
Không cửa không nhà không cả tình si
Ba, ba ơi, con cũng muốn dừng bước đi
Nhưng đi-vùng lữ-thê đây uất hận!
Ngày về của con là ngày vắng con lửa loạn
Gieo u-bồn tận mạn khắp nhân sinh
Ngày về của con là ngày vắng đội khác hoà bình
Qua làn môi chị thơ em đại
Và mạch máu cha già mỗi tình reo chảy
qua trùng dương đại-hải gặp tình con
Sóng mắt yêu đương giờ bớt mỗi mòn
Con sẽ hát ở hồn ba mãi mãi
Ba sẽ đem hoa yêu cài lên đầu con đại
Và thì thầm nhắc lại chuyện ngày xưa
Ngày con đi tàn lụn ánh sao thưa
Đường tâm tối mịt mờ muốn ánh mắt
Ngày con về là bình-minh hồn trái đất
Mây trôi đùn mưa bớt lạnh chiều-phu
Và ba ơi, trường học thay nhà tù
Với người người hân hoan niềm tin tự chủ

VIỆT-LY-CHINH

Lời kêu gọi:

của

SỨ THẦN MẶT TRỜI

NGƯỜI XƯỞNG NGÔN

Xin mọi người im lặng. Xin im lặng tuyệt đối. Người không được ho, muỗi ruồi không được bay liệng. Xin giới thiệu muôn loài. Đây **SỨ THẦN THƯƠNG YÊU VÀ THÔNG CẢM của MẶT TRỜI** đến viếng quý vị. Hãy cất mũ nón và cúi đầu đáp lễ.

MUÔN LOÀI :

Xin nghiêng mình trước Long-Nhan kính cẩn trước Ngọc-Thần **SỨ THẦN**.

NGƯỜI XƯỞNG NGÔN :

Vì Ngài là **TÌNH THƯƠNG** nên mọi loài, mọi vật có quyền nghênh đón không phân biệt bạn, thù, phe, phái, chẳng bao giờ biết sợ dạn bom người anh em ám sát. Vì Ngài là **THÔNG CẢM** nên Ngài thấu triệt những khó khăn, cực nhọc của mọi sinh vật ; nên chúng ta có thể bỏ qua đi những lễ nghi đưa rước phiền toái như treo cờ kết hoa bằng súng đứng dàn chào... Xin muôn loài hãy quay mặt về phía **MẶT TRỜI**. Ngài đang đến với chúng ta.

NGƯỜI XƯỞNG NGÔN và MUÔN LOÀI :

Chúng tôi trân trọng đón rước Ngài — Kính — Mến

SỨ THẦN :

Không giám. Không giám...

Hỡi những người đang mất quê hương. Hỡi những kẻ đang bị chiến tranh dày xéo. Hỡi dân tộc vong thân đang trở mình trong một biển chuyền trọng đại... Hãy ngóc đầu dậy. Ta đến đây để cứu vớt muôn loài...

MUÔN LOÀI :

Xin hãy đến cứu vớt muôn loài.

SỨ THẦN :

Hỡi nhân loại đang ngủ vùi trong xa hoa trong mê muội mà bực tiền đang tiêu hủy lương tri, vật chất đang chế ngự tâm hồn, hãy bỏ một phút—một phút ngắn ngủi để ta truyền lệnh...

MUÔN LOÀI :

Xin lệnh

SỨ THẦN :

Hỡi những tên hề đang cười cợt trong vai tuồng gớm ghiếc, đang múa may trên xương máu của người đồng chủng, hãy cỡi mũi sáo đứng yên lặng trong một phút nghe ta truyền đọc

THÔNG ĐIỆP CỦA MẶT TRỜI.

MUÔN LOẠI :

Xin hãy đọc THÔNG ĐIỆP CỦA MẶT TRỜI

SỨ THẦN :

Hỡi những tên què quặt vì bom đạn, đui mù vì hơi cay, bệnh tật vì đói khát, ốm o vì gạo cơm bị bóc lột, vênh vang vì bị đánh từ mẹ hoặc, hãy ra đây, sắp hàng hai cách nhau một thước. Nhổ trước lớn sau. Mặt quay về hướng MẶT TRỜI, tay trái chỉ về phía u mê đen tối. Lặng yên. Ta đang ban ơn Thánh Sùng để cứu rỗi thế nhân...

MUÔN LOÀI:

Xin hãy ban ơn Thánh Sùng để cứu rỗi thế nhân.

SỨ THẦN :

Hỡi những đứa con gái 13, 14 đi làm điếm, những thằng con trai 15, 16 bị mắc giang mai. Hỡi những kẻ đã dẫn dắt tuổi nhỏ vào vòng sa đọa. Hãy dắt tay nhau leo lên chiếc tàu Bác-Ái để ta đưa về bến sông Hằng tắm gội, rũ bỏ những xấu xa bỉ ổi của cuộc đời bần thiêu. Nếu kẻ nào chưa sạch bệnh, hãy dời sang toa tàu Thánh Thiện màu xanh về phơi mình trên đỉnh núi Hy Mã Lạp Sơn...

MUÔN LOÀI :

Xin cho chúng tôi về tắm gội nước Sông Hằng và phơi mình trên đỉnh núi Hy Mã.

SỨ THẦN :

Hỡi những nhà bác học chế ra bom nguyên tử, những tên thợ chế được xe tăng thiết giáp, lựu đạn, mìn cay, chất độc hóa học, súng ống và đạn dược cùng tàu bay, hòa tiễn, phi đạn, hãy đem chất hai bên bờ biển Thái bình Dương để nghe ta đọc điệu văn kết thúc vĩnh viễn những sản phẩm điên rồ kỳ quặt...

MUÔN LOÀI :

Xin hãy đọc điều văn kết thúc vĩnh viễn những sản phẩm điên rồ kỳ quái.

SỨ THẦN :

Hỡi những tên tử tù của nhân loại đang đốt cháy thóc gạo, giết hại những con người, hãy ngừng tay nghe ta nói đến sự thiệt hại kinh hoàng của loài người

MUÔN LOÀI :

Xin hãy nói đến sự thiệt hại kinh hoàng của loài người

SỨ THẦN :

Hỡi những tên đầu cơ chính trị giết hại những người đồng loại, che mắt bản lén anh em, hủy diệt tự do của người bằng hữu, đang hăng say trong việc chém giết, hãy dừng tay lại nghe ta truyền phép tích nhiệm màu quý giá của sự sống.

MUÔN LOÀI :

Xin hãy truyền lại phép tích nhiệm màu quý giá của sự sống.

SỨ THẦN :

Hỡi những người đang đặt plastique để gài bẫy anh em, đào hầm rào chông để ngăn chia bà con hàng họ, phóng lựu đạn để kỳ thị niềm tin, hãy ngừng tay dọn mình cho Thánh Thiện nghe ta hát bài Ngợi Ca ÁNH MẶT TRỜI.

MUÔN LOÀI :

Xin hãy hát bài NGÔI CA ÁNH MẶT TRỜI.

SỨ THẦN :

Hỡi những người mù giữa ánh sáng, những kẻ mang niềm

thương yêu tuyệt đối bị bạo lực đè nén, những căn phần mơ ước bị ma vương đốt cháy, những kẻ vì tự do mà phải vào vòng tù tội; những kẻ nhân danh đồng loại để duy trì nô lệ, những kẻ tay đang lăm le vũ khí mà giáng giải Công Bằng Bác Ái, những kẻ mang tâm hồn hoen ố vì suốt đời làm thân trâu ngựa, những tên đánh tráo tài tình Lật Lường Gian Dối với Thành Tín và Trung Trực, hãy nghe đây, ta đang công bố bản đề kháng của tinh thần rũ bỏ cuộc đời giả tạo...

MUÔN LOÀI :

Xin hãy công bố bản đề kháng của tinh thần rũ bỏ cuộc đời giả tạo

SỨ THẦN :

Hỡi những tên làm văn nghệ nhận chỉ thị của thế lực A, B, làm bồi bút cho tiền tài và chủ nghĩa, đánh đi trí thức và phần bội nghề nghiệp, hãy cúi đầu, cúi đầu thật thấp hơn lấy mấy ngón chân cái của ta bị mặc khải một nhận thức văn nghệ tự do...

MUÔN LOÀI :

Xin cho chúng tôi được cúi đầu hơn lấy mấy ngón chân cái

SỨ THẦN :

Ta đến đây nhân danh sứ thần TÌNH THƯƠNG và THÔNG CẢM sẽ nói một lần là vĩnh viễn xa cách. Hỡi những trái tim quần quai trong tuyệt vọng ước ao, những tâm hồn đang rên xiết trước định mệnh bi thiết, những số phận đang ngao ngễ trong bạc tiền và khanh tướng, những thứ người chuyên cúi đầu nhận lãnh chỉ thị, mang một thái độ ngụy tín với bà con, sống cuộc đời dối trá lại ngụy trang bằng những mỹ từ vô nghĩa, hãy lặng im hãy nghe cho rõ lời ban ơn của lòng nhân đạo mà MẶT TRỜI đã đề cử ta nhận lãnh — Ôi cao quý thay MẶT TRỜI đã trao cho ta niềm vinh hiển của muôn loài — Nhân

đanh tình THƯƠNG YẾU và THÔNG CẢM của mọi vật ta truyền lại
rằng...

Vì một vài hối tiếc nên ta không thể đọc rõ từng lời cất cao
từng tiếng, vậy chỉ ban phát cho mỗi dọn vị SINH VẬT một bản tín
siêu quay Ronéo hai mặt. Hay cúi đầu và dờ hết những bàn tay xương
xấu nhận lãnh bản tín điều về đọc trong đêm tối khi mặt trời đã đi ngủ
thôi ta đi...

NGƯỜI XƯỞNG NGÔN :

Thưa quý vị, quý muôn loài... Vì mê muội của nhân loại, ngu
x uân của những tâm hồn mà sự cảm thông đã băng giá nên Sứ Thần đã
không nói lên được tín điều quý báu, vậy trước khi Sứ Thần về trình
diện MẶT TRỜI sứ mệnh cao cả của mình, quý muôn loài muôn vật
hãy sắp hàng hai nhỏ trước lớn sau, què quặt bên trái, cúi mù phía
phải, cách nhau một thước, bệnh hoạn làm trật tự viên. kẻ mắc giang
mai đứng thối xúp lê đẹp đường

đề tiền đưa Sứ Thần
ra đi. Xin im lặng tuyệt đối. Bệnh giang mai hãy thối còi. Quý vị hãy và o
đắp hàng lập tức, đừng có sợ hàng dài vì chúng tôi biết dù sao cũng
không quá chiều dài từ Nam-Quan đến mũi Cà-Mâu của nước Việt
Nam nghèo nàn, đạn bom, lửa máu bên vòm trời Đông Nam Á đầu
thối còi. thối còi nghiêm chỉnh và xướng theo :

Xin giả từ Ngài với lòng mến tiếc thắm đậm.

NGUYỄN VĂN PHỤNG

Tháng tám sáu sáu ở Huế

NƯỚC

! M

Ả

T

trẻ thơ

K HÔNG khí buổi trưa, ở
bệnh viện đang yên tĩnh
thì một chiếc xe Hồng Thập

Tự của quân đội Mỹ chạy vào rồi
ngừng lại trước phòng cấp cứu.

Biết có bệnh tới, cô y tá trực bước
ra tiếp nhận cùng lúc đó hai quân
nhân Mỹ lần lượt khiêng vào 5 đứa
bé trần truồng và dính đầy vết máu

Cô y tá nhìn qua chúng một lượt
rồi nói vọng vào phòng trong

Bác lao công bưng khay đựng
cọ và thuốc men đi ra nhìn cô

— Bác Tám,

tá

nhân. Thăng bé nhẩn mặt rồi bỗng
ta lớn lên khi mũi kim đi sâu vào da
thịt nó.

Bác lao công lên tiếng
đậm.

giờ

Cô y tá ngược mắt nhìn bác

— Bác nói nhẹ chứ. Con
người ta cũng như con mình...

Cô y tá sờ vào những vết
hương của đứa trẻ thứ nhất rồi
lực bác lao công :

— Thôi, mặc chúng nó bác
qua đây giúp tôi một tay.

Bác lao công ngoan ngoan làm
theo lời cô y tá. Bác lấy bông
nhúng thuốc, nhặt bông bần bỏ vào
thùng rác trong lúc cô y tá chăm
chú chùi rửa vết thương cho nạn

Bác lao công làm thính. Thăng
nhỏ lại la lên, rồi cùng một vài
đứa khác hình như vết thương nhức
nhóm cũng bật tiếng la theo.
những tiếng la đau thương khác
khoải mà dù bác không muốn nghe
cũng không thể nào cản được, vì
đã 20 năm nay bác đã nghe nhiều
quá mất rồi, có lúc âm ỷ như tiếng
thét ngoài sa trường, có lúc rộn
rộn như ma quái...

Thăng nhỏ đã được chùi rửa
băng lại sạch sẽ. Ba vết thương ph

2 ở dài, một ở bắp vế. Nó soải tay nằm sấp xuống. Nó không lên la nữa và những đứa khác cũng im theo.

Một đứa lớn nhất trong bọn nằm ở giường trong góc ngược đời mắt hỏi mấy đứa kia :

— Có mi đó không Dần ?

Thằng nhỏ vừa được cô y tá sẵn sóc vội lên tiếng :

— Có, tao đây.— Môn đó phải không ?

— Ừ, còn thằng Tam, thằng út ?

Hai tiếng nói cùng một lúc :

— Tao đây, tao đây.

Đứa bé tên Môn thở phào nhẹ nhõm. Đứa tên Út vừa đáp xong lời bạn bèn ôm đầu nghèo sang một bên, bên giường kia, thằng tên Tam hai tay dè lên bụng và mở đôi mắt lơ lơ nhìn lên trần nhà. Duy có một đứa nhỏ hơn hết

thì không nghe đứa nào hỏi tới. Nó nằm ngang bên cạnh thằng Út nó không la, cũng không nói năng gì.

Thấy vậy cô y tá bước qua hỏi thăm nó :

— Em tên gì ?

Thằng nhỏ vẫn nằm im đáp :

— Dạ Tèo.

— Quê em ở đâu ?

— Dạ không biết.

— Cha em tên gì ?

— Khóa

— Mẹ em.

— Bà Khóa

Cô y tá bỗng bật cười :

— Đều tên Khóa cả à ?

Thằng nhỏ cũng nhếch mép cười tự nhiên :

— Dạ.

Cô y tá nhìn những vết thương của nó rồi hỏi tiếp :

— Em đi đâu mà bị thương?

— Dọ chân bò.

Thằng nhỏ la lên :

— Đau quá cô ơi, đau con
quá.

— Cô y tá nhủ đời mắt :

Chịu khó đau tí xíu con à —

— Đò em nhiều không ?

Rồi nay mai con sẽ khỏi. Con sẽ
lành vết thương, con sẽ được trở
về quê nhà và sẽ đi chăn bò lại.

— Dọ nhiều, 7 con

— Bà má em có biết em bị
thương không?

Nhưng thằng nhỏ hình như đau
quá không chịu nổi nên cứ la lên
và cô y tá vẫn chùi vẫn xoa thuốc
rồi băng lại vết thương cho nó.
Một lát sau thì nó nằm im.

— Chắc không biết.

Cô y tá vừa hỏi vừa tháo
những vết băng sạm máu trên thân
thể nó. Có lẽ do những quân nhân
Mỹ băng bó trước khi đưa nó đến
đây. Nó bị ba phát đạn. Hai lỗ ở
vai, một lỗ ở cánh tay phải. Có chỗ
nẫu đã đông đặc, có chỗ đang rỉ
chảy những giọt tím bầm, có chỗ
đã khô teo lại không còn thấy tia
nẫu nào nữa. Nhưng còn đâu nữa
nà chảy ? !!!

Cô y tá nhúng thuốc xoa vào
vết thương trên vai nó.

Cô y tá bước qua giường khác

Thằng Tam thì phải. Có lẽ nó bị
trúng đạn ở trên đầu máu ở trong
lỗ tai rỉ ra, chảy vệt dài xuống
trên gò má nó, lên cổ họng nó. Cô
y tá lấy kèm nhúng bông chùi vết
máu và hỏi nó :

Em có đau lắm không ?

— Dọ đau

Đoạn cô lật sấp nó lại để tìm

thêm vết thương khác nhưng không thấy vết nào nữa. Tương đối nó bị nhẹ hơn hai đứa kia. Rửa xong vết thương ở tai, cô đề đó đợi bác sĩ đến khám ở trong đầu nó.

Cô y tá và bác lao công tiếp tục đi qua giường khác giường thẳng Út. Nó bị thương ở lỗ mũi và con cu nó cũng bị thương. Các quân nhân Mỹ đã lấp cho nó cái vòi để đi tiêu. Cô y tá sờ cái vòi và lắc qua lắc lại, thẳng nhỏ nhìn cô e thẹn rồi nó bật lên tiếng cười. Nụ cười thật hồn nhiên trong trắng. Trông hẳn thật dễ thương.

Cô y tá gọi chuyện với nó :

Em mấy tuổi ?

— Dạ 12 tuổi.

— Đi đâu mà bị thương ?

— Dạ chặn bò,

— Tất cả các em đều chặn bò cả à ?

— Dạ phải

Cô y tá âu yếm nhìn nó và tiếp tục làm phận sự của mình — Ở bên kia giường, thẳng nhỏ tên Tào bỗng la lên rồi mấp máy trên môi : « nghe ơi nghe, nghe đi với mẹ được ăn được bú, nghe đi với chú được nằm rau khoai, nghe đi với ai, coi chừng đó nghe — coi chừng đó nghe » — tiếng nghe sau cùng kéo dài ra rồi rút hẳn.

Cô y tá, bật quay lại và thốt nhiên không cầm được nước mắt. Tâm thức của cô bỗng sáng bật lên vì tiếng gọi bỏ của nó. Tiếng gọi ngọt ngào êm dịu pha một chút khuyển răn mà ngòy còn nhỏ mỗi khi về thăm quê ngoại cô đã có lần nghe, đã có lần bắt chước theo chúng. Nhưng đã từ lâu, có lẽ hơn mười mấy năm nay rồi, cô không còn được nghe tiếng gọi đó nữa. Tiếng bom rồi tiếng súng nổ, đã làm tan đi những mây

trời nước biển, hương ngọt của
đồng ruộng bao la mà nhiều lúc
cô có cảm tưởng là mình sẽ không
bao giờ được nghe, được thấy
được hưởng, những cảnh tượng
thiên nhiên đó, và chiến tranh đã
cướp mất đi những cảm nghĩ trắng
non, những nụ cười lá mạ mà quê
ngoại đã cho cô từ ngày cô còn
thơ ấu...

Bác lao công hình như cũng
đang xúc động bởi tiếng gọi ngọt
ngào đó. Bác nói:

— Nó mới đó cô à, tội nghiệp!

Cô y tá quay trở lại ngi ngờ
mơ, và nói:

— Ngủ đi con, đừng nói nhảm
nữa.

Rồi cô đặt tay lên trán nó —
lên tai nó — Bỗng cô giật mình,
— Nó sốt — Có lẽ lên đến 38,39
độ là ít.

Cô bảo bác lao công:

— Bác đi mời bác sĩ gấp đi!

Đoạn cô vuốt tay, vuốt tóc nó
Đưa bé bỗng mở nhẹ đôi mắt du
yếm nhìn cô rồi từ từ nhắm mắt lại
như mơ màng. luyến tiếc — Trong
giây phút đó, cảnh cánh đồng ruộng
hiện ra trước mắt nó với những
thừa ruộng lúa chín vàng rực rỡ
những đàn chim kết nhanh như phần
lực cơ nhào xuống ngắt một ché
lúa rồi bay bỗng lên cao... Chiều
chiều, ba, bốn đứa thả bò lên cần
mã rồi tìm ngôi mộ cao to leo lên
ngồi đánh ô, hay đánh chắt mực...
có lúc cả bọn dẫn bò ra bờ sông
bờ hồ, cho bò xuống tắm rồi nhào
xuống theo hoặc đi tìm một bụi
tre, bụi dứa đánh một giấc ngủ
ngon lành...

Thằng nhỏ lại bỗng mở to đôi
mắt và kêu thét lên:

— Khát nước, cho con xin
miếng nước.

— Má ơi, con đói bụng quá,
cho con nằm cơm.

Nó lại lên cơn sốt rồi — cô y tá chép miệng và đấm đấm nước mắt rồi vỗ về nó :

— Đừng nói nữa con — Lát nữa cô lấy sữa cho con uống.

Thằng bé ngoan ngoãn nằm im, hai tay buông xuôi và co đầu xuống.

Cô y tá quay trở lại băng bó cho đứa cuối cùng.

Em nầy chân tay, mình mẩy đen thui, — — — Có chỗ thịt lòi ra trắng hếu. Tuy vậy trông nó vẫn nhẹ và tinh táo hơn những đứa khác.

Cô y tá hỏi :

Cũng chần bô phải không ?

— Dạ phải.

— Các em ở đâu ?

— Dạ Phù Ly

— Họ đánh nhau dữ lắm phải không ?

Dạ, đánh lớn lắm người chết như rạ.

Cô y tá thở dài — Bên kia thằng bé đáng thương tên Tèo lại cựa mình và nói ú ớ : « nghe ơi nghe, nghe đi với ai... coi chừng đó nghe »...

Qui Nhơn thu 66



Như ngày xưa đã...

Như ngày xưa đã sống
Vùng cỏ tích đông phương,
Đêm về nuôi ảo mộng
Lạc bước đến hoang đường

Như ngày xưa đã hát
Trộn vụn lời chim xuân
Đường đời im bóng mát
Mạch suối ngọt thiên thần

Như ngày xưa đã yêu
Chân trời xa man mác
Không gian vờn khói nhạt
Đông núi nào quạnh hiu ?

Rồi ngày nay cảm hờn
Cuộc đời sập chết cứng ?
Ngục tù vọng cổ đơn
Lưu đây sau đá dựng

Rồi ngày nay rủ chết
Trong mật ngọt hào quang
Anh hùng dần thấm mật
Đắc đít đến thiên đàng

Ngày xưa với ngày nay
Nhịp cầu nào tiếp nối ?
Nhiệt thành chưa lợt phai
Tội tình chưa sám hối

Ảo tưởng xin chết đuối
Giữa linh hồn trong veo
Bông phượng hè hết thắm
Mùa thu sắp qua dào

Trong vườn hồn phôi nhiều
Đồng vọng lời ru ngọt
Cuối cuộc đời tịch liu
Chim ngập ngừng tiếng hót

HỒ-TRƯỜNG-AN

THỦ QUAY LẠI KHÚC PHIM RỪNG RỌN :

HAI QUẢ BOM NGUYÊN TỬ NÉM XUỐNG NHỰT

- ▲ Kế hoạch sáng chế bom nguyên tử của Hocky
- Những phi cơ chuyên chở bom nguyên tử ?
- ▼ Phi công nào mang bom nguyên tử ném xuống Nhựt ?

sưu tầm của NGUYỄN QUANG

(Tiếp theo)

Trong 2 năm liên tiếp, người ta vẫn tiếp tục sáng chế một cách hế t sức chậm chạp, khi Hitler của Đức quốc xã đã bá chiếm Tây Âu, Đông Âu và Nhựt, Phát xít đã làm chủ tình hình Đông Dương,

Những công cuộc tìm kiếm hạch lý học đều vẫn tiếp diễn không có sự tổ chức trong một vài trường Đại học Hoa kỳ và chỉ còn lại vấn

đề tiền bạc và sự chậm chạp - không linh động—của thủ tục hành chánh nữa mà thôi.

Như thế, các nhà thông thái lúc bấy giờ, mặc dầu có đầy đủ thành tâm, thiện chí, bị hai lẽ nói trên đã trở nên bất lực trong vấn đề sáng chế bom nguyên tử và hành quân. bởi thủ tục hành chánh này nọ, lại nhát nhẽo vấn đề.

Trong khi ấy, vào năm 1941, nhân vật Ý đại lợi tên là Enrico Fermi—được giải Nobel—gần đây, lại sang xin tỵ nạn chính trị tại Hoa kỳ đã sáng chế cực điện nguyên tử thứ nhất dưới hầm nằm bên cạnh đại học đường Columbia, mà ông và các cộng sự viên đều chỉ được chính quyền Hoa thịnh đốn đã giúp lính tráng canh phòng giữ gìn an ninh mà thôi.

Và phải chờ đến mùa hè năm 1945 mới có ủy ban tìm kiếm Uranium của hội đồng quốc gia thành lập tại Washington vì cần phải cuối năm nay việc này sẽ tùy thuộc vào ngân sách quốc gia đã, mới có thể xúc tiến công việc,

VannEvar Bush giám đốc cơ sở nghiên cứu phát minh khoa học và sáng chế đã báo cáo trình bày với TT Roosevelt về những tiến bộ thu lượm được trong ngành và không quên đưa ra lý do thiếu nhân viên và hụt tiền bạc,

Ngày 6-12 Bush lại báo cáo một lần mới đề cho các bạn đồng nghiệp hay là những thủy phi cơ Nhật đã đánh đắm hạm đội Hoaký

tại Trân châu cảng (Pearl Harbor) và, Hoaký đã tuyên bố tham chiến đánh Trục.

Vì thế, trên lãnh vực nghiên cứu sáng chế vũ khí nguyên tử mới được Hoathịnh đốn lưu tâm đề ý xúc tiến trong hệ thống cực kỳ bí mật, cũng như các địa hạt kỹ nghệ khoa học và hóa học khác phục vụ chiến tranh đều nhịp nhàng tiến tới kết quả, mà mọi người trong ngoài nước, lúc bấy giờ, đều chưa hay biết chi cả.

Sau 15 năm, các nhân vật thời đại của xã hội Hoaký và cả thế giới đều vẫn ngạc nhiên, khi trông thấy Hoaký đang sản xuất bom nguyên tử.

Thượng kế Manhattan ?...

II. — Cuối mùa hè năm 1947 các kỹ sư chuyên viên và kỹ thuật gia của phân khối Manhattan, mà mọi người đã kêu là những kỹ sư chế bom nguyên tử đã thủ vai trò ưu tiên trong nước qua các ngành quan trọng khác.

Đại tướng Groves, 46 tuổi, cựu

...sinh viên trường Đại học vô bị và là vị tướng có nhiều tinh thần bản lĩnh, được ủy nhiệm công tác sáng chế vô khí nguyên tử vào tháng 9 năm ấy—chẳng hiểu biết chi, và không có dụng cụ làm việc và cũng chẳng có trong tay chương trình kế hoạch cũng như vật liệu—đã biến chế một cuộc tổng hợp phát minh vô khí thực dụng.

Để thực hiện mục tiêu, Groves bám sát các đại tư bản gia, đại kỹ nghệ gia cũng như các quân nhân làm nhẹ hân oai quyền, Quốc Hội, đề đòi Tổng Ngân Khố quốc gia tài trợ cho một số tiền to lớn.

Ông này chẳng còn phải mất thì giờ tranh luận về việc sáng chế bom nguyên tử của các nhà vật lý học đã đang lúc bấy giờ, tiếp tục công tác.

Một trong những công sự viên của ông đã không ngần ngại cho biết quan niệm đại khái là «tự kỷ trung tâm của vấn đề ngày nay, vô cùng cảm xúc, đã thấy diễn ra trong thời đại Napoléon!»

Mục phiêu và ý chí của công tác, như thế, dù sao, vẫn còn nằm trong sự thối loạn hỗn mê của đa số người thiện chí phục vụ hòa bình, nếu chưa độc quyền vô khí nguyên tử,

Như mọi người đều khó lòng biết được phương pháp hữu hiệu nhất phân loại «uranium 235», người ta bỏ chung 3 cách thức khác nhau làm một, mặc dầu tốn kém và đắt tiền nhất, và mỗi phương thức chẳng giúp đỡ được chi cho vấn đề, khi đang có 2 phương khác tổng hợp.

Vào khoảng 50 kỷ vật liệu hoá học mới có thể chế ra được 3 quả bom nguyên tử hoàn thành vào mùa hè năm 1945 và, mặc dầu, ngân sách của Manhattan đang yếu kém cùng những việc linh tinh khác, đại khái như việc cần phải thành lập ngay 539.000 nhân viên phục dịch công tác và, như thế số người này đủ thành 30 sư đoàn pháo binh còn gì nữa?

Và, khi muốn kiến trúc một cơ
xương chế tạo vỏ khí nguyên tử,
người ta phải cần dùng 15.000
tấn bạc để sáng tạo những giấy
cuộn điện tử, nên ông giám đốc cơ
xưởng Manhattan đã phải xin ông
Daniel Bell — Tổng Trưởng Tài
Chánh—nếu có thể cung cấp thêm
mười triệu sách đại khái như sau :

— Kính thưa Tổng Trưởng,
ông Bell nói, lúc này, người ta không
thề nào nói đến bạc tấn, mà phải
nói bạc gờ ram...

Phên khối Manhattan, lúc này,
đã trở thành địa điểm nghiên cứu
thí nghiệm sản xuất vỏ khí nguyên
tử Hoa kỳ, và các nhà bác học sống
động nhiệt thành cho nền khoa học
tân tiến, đại khái, như ông Oppen-
heimer, đang chung ý kiến với các
nhà nguyên tử học Anh và những
nhà thông thái Ý, Đức, Hung ti
nạn cầu một lòng một chí lo sáng
chế.

Các nhà bác học vạn vật, đồng
lâm, đều đang hành nghề tam thời

trong các công tư sở và có nhiều
nhân vật đã có giải thưởng Nobel
đều đang sống dưới bóng cờ.

Vài tháng sau, sau khi thí
nghiệm được vài vụ có kết quả,
chương trình Manhattan đã thu
lượm được nhiều thành tích huy
hoàng, vào chiều ngày 2-12-1942, tại
sân banh Đại học đương Chicago,
các nhà thông thái đã cho nổ thí
nghiệm một giấy chuyển các bộ phận
bom nguyên tử do người đương ra
cho nổ.

Tuy nhiên, lúc này, sự thành
công đã quá thô sơ, nếu đem so
sánh với tầm quan trọng của bom
nguyên tử ngày nay, nên về sau
chỉ trong một đêm trắng, các nhà
thông thái, nghiên cứu toàn bộ phận
đã làm cho quả bom nổ một cách
kinh khủng.

Song, vẫn còn có vài điểm
trong chương trình sáng chế đều xét
ra rất khó khăn, vì các bác học già
đã tính toán về 1/2 kilô « uranium
235 » — to bằng quả banh bóng —

mới có thể mang dòng sức 9000 tấn
«tê-mi-tô-rô-lu-en».

Nhưng, một lượng của chất này sẽ chắc chắn chưa đủ sức nổ gây chuyển như đã nói ở đoạn trên. mà ngược lại, cần phải có một số lượng nào đó (chưa mình định rõ) mới khả dĩ gọi là «đầy đủ các chất tổng hợp» làm cho một quả bom nổ kinh khủng và tàn phá khủng khiếp.

Và, dù sao, các nhà thông thái đã thừa trừ và phân phối các chất tổng hợp để làm cho quả bom khi nổ, thu được nhiều sự tàn phá.

Để thực hiện kết quả điều này, người ta đã kiến trúc ngay cơ sở thí nghiệm gần Los Almos, trên đỉnh đồi xa xa của Tân quốc gia Mỹ-tây Cơ, mà ông Oppenheimer đã được chỉ định giữ chức Giám đốc Kỹ thuật.

Luật lệ bảo vệ an ninh cơ sở này rất nghiêm ngặt, nên đã có nhiều trung đoàn bộ binh và Công an Cảnh sát đều thay phiên nhau ngày đêm

canh giữ. Và, công văn đi cũng như công văn tới đều tức nhiên bị kiểm duyệt gắt gao, cho đến việc sử dụng điện thoại cũng thế.

Các nhà thông thái, nếu vắng mặt tại cơ sở, đều được báo tin và cho các thám báo viên hay để theo dõi canh chừng về sự liên lạc của họ, còn các cơ sở khác của vùng Manhattan đều tương đối canh phòng nghiêm ngặt hơn.

Mặt dầu thế, chiến dịch do thám của Đồng Minh Nga-sô vẫn lọt được vào đây như thường, nhưng chẳng có một dịch nhân nào của Đức quốc xã hay phát-xít Nhật đến khó lòng nhất được một tài liệu quan trọng về một vài bộ phận của cơ sở sáng chế bom nguyên tử Hoa Kỳ

«E-kíp» 5C9

Trong thời gian ấy, Đại Tướng Groves với một kế hoạch khác đã tru liệu đem thí nghiệm các loại vỏ khí này tại một nơi hoang vu khác.

Để xác định lại tầm ném bom nguyên tử, sau khi hoàn toàn, xuống mức phiêu dịch, người ta cần phải huy động 1.500 sĩ quan và quân nhân đều túc trực trên, không, tức gọi "a-kíp 509" đó.

Đoàn không vận này mới có thể đầy đủ khả năng hoàn thành công tác trên không phận địch và đề xuất năng sức chiến đấu dẻo dai, người ta đã lo dự trữ trên máy bay các thức ăn uống và nhiều tiện nghi hàng ngày để sống đề chiến đấu.

Chỉ huy trưởng "a-kíp 509" là Đại Tướng Arnold, Tham mưu Trưởng Tổng Tư Lệnh Không quân đã tuyển lựa Đại tá Paul Tibbets làm Phó Tư lệnh là một phi công anh dũng chỉ mới có 29 tuổi, gương mặt khô khan, tóc đen quăn, lông mày dày đậm, đôi mắt mờ buồn và trầm lặng mà mọi người đều có thể đặt trọn niềm tin.

Là phi công hạng nhứt Đại tá trẻ tuổi này đã từng lập được nhiều công tác tại Âu châu qua các phi vụ

ném bom xuống đất địch và, ông đã chờ. Đầu tiên, Tướng Clark, rồi Tướng Eisenhower, từ Anh quốc qua eo biển Gibraltar trong hồi quân ĐM đổ bộ lên Bắc Phi Châu.

Một giờ sau khi nhận được sự uỷ lịnh, Đại tá Tibbets đã cảm thấy rằng, dường như ông đang cho chú ý đầu xuống trên một hình tinh và, người ta cho ông hay sức tàn phá của bom nguyên tử, qua chiến lược chiến thuật quân sự, đề tuyền nghi xử dụng với tất cả tài khôn khéo của ông ta.

Bởi vậy, quyền hạn của ông là chỉ huy "toán 509" không vận yểm trợ cho các phi cơ ném bom nguyên tử và đề kiểm soát thực tập. Đại tá Tibbets đã bay lên trời với chiếc B-29, ghé lại Wendover tại Utah.

Wendover, trước đây là một bãi biển miền mông hoang đại chỉ thấy bầu trời quang đãng cho nên, "toán 509" đã được đem đến đây thực tập.

Khi thành lập, toán «509» đã thấy có nhiều sắc thái khác biệt với những toán khác, nên đại tá Tibbets đã ban huấn lệnh cho các sĩ quan liên hệ trực thuộc quyền ông đều luôn luôn phải giữ bí mật quân sự.

Các phi vụ đều mặc nhiên thay đổi khác nhau trong giờ đầu, giờ giữa và giờ chót, vì các cuộc không tập ném bom cách mặt đất hoặc cách các mục phiêu dịch đều hậu định chỉ có 900th và mỗi phi cơ chỉ được ném 1 quả bom nặng 4535ki nếu chưa muốn nói trong lúc chưa thấy rõ mục phiêu dịch.

Điều này đã làm trở ngại một số phi công bởi có nhiều ngày, nền trời không bị mây mù che lấp. nếu buộc bay xa nhìn ném bom xuống chẳng bao giờ trúng đích như đã thực hiện ở Âu Châu và lại khó thực hiện ở Nhật vậy.

Việc thực tập phi cơ chỉ ném một trái bom, chắc chắn sẽ dễ dàng đối với phi cơ mang bom nguyên tử

với giá trị một quả đến hàng triệu đôla sẽ rơi xuống không hãm ?

Bởi thế, toán 509, đề nhằm trúng đích, người ta lại sáng chế ngay máy «ra đa» tiếp tay cho công tác này và, sau khi thực tập ném những bom giả, các phi công đã tập những vụ bay nhào lộn và cách bắn đuổi phi cơ địch khi họ nhào lộn đánh đuổi mình.

Đề biết qua những luồng ác khí do quả bom nguyên tử thả xuống, các phi công đều, theo con số thừa trừ của các nhà thông thái cho phi cơ lên thượng tầng, nghĩa là 43 sao về sau, khi ném bom nguyên tử xuống phải tách chu xa ít nhất vào khoảng 13 cây số cao.

Vì vậy, tại sao, các phi công sau khi nhào lộn chạy quanh vòng các mục phiêu với 153 tốc độ, đã chúc đầu xuống rồi mới có sức lực bay vọt lên chạy trốn thoát khỏi radar địch đó.

Và, muốn cho phi cơ được nhẹ

trên không, các phi công đã không chịu dùng khí giới, chỉ toàn dùng súng liên thanh và calíp 50.

Lịch trình sáng chế bom nguyên tử

Sức cố gắng không ngừng của cơ sở Manhattan để sáng chế một quả bom nguyên tử lại không chịu bao giờ xao lãng một giờ phút nào cả.

Ngày 20/12/1944, mọi việc đều xuôi chiều tốt đẹp, nên Tổng Groves đã minh định thời dụng biểu để quả bom thử nhất phải được hoàn thành kết quả vào ngày 1-8-1945 như đã báo tin cho Đại tướng Marshall, lúc này, đương kim Tổng thống Mỹ.

Xem thế, xét ra, quả bom này sẽ không thể dùng tấn công Đức quốc xã, vì chế độ này, lúc bấy giờ đã sắp tàn tạ, nên tướng Groves mới quan tâm cho quân lực Đồng Minh mọi chiến trường Thái bình Dương

và «toán 509» để kiểm căn cứ chuyển tiếp đăng tấn công Nhật Bản thì các tướng Marshall, Strism và T.T Roosevelt điều đình ý chấp thuận việc này.

Người ta vì thế, đã chọn bãi đảo Tể An (Tihian) nằm trong các quần đảo Mariannes—toàn cát sạn—có bề dài 21 cây số và 10cs bề ngang

Đảo này tương đối với các địa hình địa vật thiên nhiên có thể sử dụng làm phi trường vì có những eo biển, dẫu nhỏ bé đến đâu đều có thể thu dấu được các phi cơ và dấu lẩn đều bị mật quân sự.

Và nói tóm lại đảo này tương đối ta căn cứ không quân rất tiện, vì đa số đường giao thông đều được quân Nhật trùng tu công phu phải chăng để làm hậu điểm có 4 lối đi đã trở thành căn cứ lớn nhất để BM xuất phát ném bom đó.

Ngày 5-4 Ngoại trưởng Bộ Quốc Phòng Chiến tranh đã cho ám hiệu Centerhard công tác ném bom nguyên tử xuống đất Nhật.

Vì cái tên này đã do một sĩ quan cao cấp đề nghị lấy tên của

người phi công tình nguyện. Thế
nêu, cuối tháng 4, những sĩ quan
dưới quyền Đại tá Tibbets trong lúc
này, đang có 15 «B-29» đầy đủ vũ khí
đã bắt đầu vượt đại trùng dương

Tương đối tuyệt đối, «toán 509»,
đã hoạt động ráo riết tại đảo Tě
an và «thủ đô xinh đẹp Tokyo» theo
các xương ngón của Đại Tướng
Núi Nhứt Bồn đã, trong nháy mắt
loan tin quân đội Nhứt hoàng đang
đợi chờ đợi chờ địch đến nhưng
với những tin chính thức
mới nhứt cho hay đang có nhiều
phi cơ B 29 khác đều đang lên
đường.

Ngược lại, «toán 509» lúc bấy
giờ, có bốn phận trinh sát bao vây
ném bom bắn phá các vùng có giấy
kẽm gai và thủ súng đại liên hộ tống
chặn đánh phi cơ địch mặt trước
mặt sau cho phải đoàn phi cơ oanh
tác.

Tuy vậy, các phi vụ của «toán 509»
đài vẫn tiếp tục trên trời đã làm
trời đã làm cho các «đoàn chim sắt
B-29» lúc mất mà Tibbets—Đại tá—
và các sĩ qua phi công, sau các phi
vụ này, trở về, đều mỗi một.

Do đó kể từ ngày mai đến khi
có lệnh mới, các phi công từng chiều
một đã ném bom xuống tàn phá các
đảo có quân Nhứt chiếm đóng hoặc
bay đi và bay qua không phận một
tài thủ đồ Nhứt để thị oai đánh
đòn tâm lý quần chúng.

Về sau, mặc dầu cướp được
hay chưa cướp được thời gian,
«toán 509» đã chiếm ngôi vị thứ 2
trên căn quần đảo Mariannes.

Thời đại nguyên tử bắt đầu

Những biến chuyển nói trên đều
chứng chắc thời giờ nhứt định do
tướng Groves đốc xức các nhà
thống thái phải hoàn thành bom A
vào ngày 1.8—là một sự ngạc nhiên.

Địa điểm lựa chọn thực nghiệm
lúc này, là một vùng đất rộng rãi
hoang vu dài 80cs tại Alamogordo
trong địa phận Tân quốc gia Mỹ
tây Cơ vào ngày 16-7 đúng 5g30

Thời đại nguyên tử bắt đầu
ngày ấy, trong khung trời sáng
rực dãi và rộng 40ocs và rơi xuống
nền đất sáng hơn mặt trời nữa và
mặc dần có nhật lệnh ban hành,
nền trời đất vẫn có một vài nơi «đỏ»

Màu đen tối kéo dài

Một đốm lửa đỏ to lớn kinh hoàng, trông qua, đang có màu tím và màu cam màu đỏ đều tỏ ra rộng và dài 30 th đã dùng làm trợ lực cho quả bom nguyên tử khi ném xuống.

Những điểm dùng quan sát đều cách xa 15cs đã nghe thấy, sau vài phút, tiếng rầm liên tiếp của quả bom A khi ném xuống và một đống khói trắng bốc thẳng dựng đứng lên như hòn núi đồi, rồi khi tan ra dài chừng 12000th.

Trong vùng Tây Nam Hoa Kỳ, người ta đã nghe như nghe sấm sét nổ rền và người ta đã lưu ý nhìn thấy, lúc ấy, dường như có điều lạ là mặt trời đang lên xuống thay đổi vị trí của nó.

Vài chục cây số cách xa tại đó có một người mù đã kêu ối ối rằng chú đang thấy ánh sáng?

Một thông cáo, làm sáng trước giải nghĩa cho hay những vụ nổ bom nguyên tử đã phát ra cho các nhà báo đăng ra đề dân chúng tìm hiểu :

Một kho vũ khí, sáng nay, đã

cho nổ ngay vào hồi tinh sương trên một khoảng đất cách xa phi trường Alamogordo với ánh sáng rực rỡ kinh khủng và sức mạnh vô song của nó đã chứng thực tại Gallup kéo dài đến 378cs về phía Tây Bắc.

Các nhà thông thái đẽa kinh ngạc về sự phát minh của họ, vậy nên trong một văn kiện một Tướng Groves đã viết cho Tướng Stinson rằng « Kinh nghiệm thông minh đã thành công ngoài sự tưởng tượng lạc quan của chúng ta, và mặt bản báo cáo mật thứ hai dùng trình giữa đại hội Potsdam gửi bằng phi cơ,

Quả bom này có thể đánh đổ một sức mạnh chừng 20,000 tấn T.N.T.

Một quyết nghị sắt :

Quyết định ném bom nguyên tử xuống đất Nhật đã quyết định rằng chẳng còn thay đổi ý kiến chỉ nữa

sau vài tháng nghiên cứu sáng chế công phu hao tổn tiền của.

Trước tiên, các nhà bác học đã ước ao những điều nghiên cứu của cơ sở Manhattan, tưởng chừng đều thất bại và đa số trong ấy, khi quả bom A đã hoàn thành, lại có nhiều người chưa chịu đem ra xét.

Trong các tướng đang hành quân tác chiến trên các chiến trường đều có những vị tướng có nhiều ý kiến dị đồng như Thủy sư Đô Đốc Leaby lại không che giấu được nỗi hân hoan về sự thành công bom nguyên tử.

Còn viên phó Đô Đốc Strauss và tướng Arnold Tổng tư lệnh Lực lượng Không quân đều hy vọng có sự đề dành bom nguyên tử. Còn Đại Tướng Eisenhower, được tin hội nghị Potsdam đồng ý, lại ước muốn người ta không nên ném xuống Nhật vì làm như thế Hoaký lại dùng vũ khí nguy hiểm nhất để tận diệt nhân loại chăng?

Tuy thế, đa số võ tướng đều

cho rằng "quả bom mới này" sẽ không còn phải tốn công phu đặt ra nhiều vấn đề tương tàn nữa, khi quả bom có sức tàn phá lớn lao hơn bom lửa.

Vì việc ném từng tá các loại bom đã làm hao tổn tiền bạc rất nhiều trong Thế chiến thứ hai như đêm 9-3 thì dụ những bom lửa đã cháy Tokyo trên 42cs vuông và giết chết 78.000 dân chúng thủ đô này.

Một thời gian sau khi TT Roosevelt chết vào tháng 4-1945, tướng Stimson hối thúc người kế vị là tân TT Harry Truman lập ngay một ủy ban nghiên cứu sáng chế vũ khí nguyên tử, TT Truman chấp thuận và yêu cầu tướng Shinsoon bắt tay ngay vào việc.

Ủy ban này là ủy ban tạm thời như người ta đã đặt tên cho chỉ gồm có 8 nhân viên đều có thêm cổ vấn kỹ thuật làm phụ tá đã nhóm họp tại Washington vào ngày 31-5 và mọi việc chiến thắng giải thoát các dân tộc bị Nhật xâm lăng sau.

này, theo chương trình dự định.
đầu sẽ nhờ ảnh hưởng nguyên tử
khi thế chiến thứ hai chấm dứt

Tuy thế, người ta vẫn không
quên tranh luận về iệc nêu hay
chưa nên dùng bom nguyên tử chấm
dứt chiến tranh với phát xít Nhật

Một nhà thông thái, lúc này, lại
có ý kiến trưng bày triển lãm những
công trình sáng chế bom nguyên
tử trước thế giới để các «Vương đế
Nhật báo chiến» đều xem đó, sớm
đầu hàng.

Và, mặc dầu ủy ban thành hình
lại chỉ lo tranh luận điều này hết
tới điều kia, nhưng họ chưa chục
nghĩ khi quả bom nguyên tử đầu
tiên thất bại tại sao ?

Thêm vào đó, trong việc triển
lãm, nếu Nhật Bản lại không chịu
gởi đại diện đến xem thì sao ? và
đầu khi họ có chứng kiến vẫn không
chịu ngưng chiến, [thì những điều
tin tưởng vào sức mạnh của quả
bom, lẽ nào, nửa chừng đều lại hoãn
đi nay sao ?

Một ý kiến khác lại được đề ra,
liều chừng quân đội Nhật, khi thấy
Sức tàn phá rừng rợn của bom
nguyên tử và việc đầu hàng của họ
không được mau chóng thực hiện
trong một vài ngày thì sao ?

Song, ngược lại, khi ấy, Nhật
sẽ đem tù binh ĐM ra hừng bom
dạn của ĐM ném xuống đất họ, hoặc
tại các chiến trường do kiểm soát
để trả thù thì sao ?

Mặt khác, lẽ nào, người ta lại
tốn phí nhiều tiền lắm bạc và hy
sinh nhiều nhân mạng con dân để
nhìn xem các oanh tạc cơ chiến
dấu trên không và các chiến binh
Nhật đều khiếp sợ bom nguyên tử
khi họ còn dăm mô bụng tự tử do
sao ?

Tuy vậy, tất cả những ý kiến
tranh luận trên đây đều hội một ý
đù muốn dù không, quả bom nguyên
tử này sẽ chấm dứt ngay cuộc chiến
tranh với Nhật,

(Còn nữa)

C U P II M C một U chúng bệnh di truyền

ÁC hị thay hai cái lao Mác và Ăng Ghen sinh ra cái Cộng Sản làm gì để làm khổ cho nhân loại, không những khổ vì độc tài đảng trị, mà khổ vì cái «chụp mũ» cũng đã đủ làm chết con người ta.

Không biết ở thế giới văn minh Âu Mỹ thì ra sao, chứ ở cái nước Việt Nam nhỏ bé này, thì cái kiểu chụp mũ Cộng Sản thành một chứng bệnh di truyền; vì nó đã làm cho một số người phát tài ăn no, làm lớn, trong khi đó có vô số lương dân vô tội; kể cả người chống Cộng, cũng đã từng bị những cái mũ quái ác chụp lên đầu.

Nhớ lại hồi Pháp thuộc, Trần mẫn Trinh, tri huyện Nghi Lộc

(Nghệ An) muốn được thăng quan tiến chức, cho thủ hạ in truyền đơn về cờ búa liềm Cộng Sản, cho người lên đốt vào nhà, đem lính tráng tới vây bắt chủ nhà về huyện tra khảo, kết quả quan được thăng Tri phủ Đông Sơn (Thanh Hóa) chủ nhân bị tù 10 năm.

Bọn Bang tá tuần trấp ở vùng Nghệ Tĩnh vào những năm 1930—1931, Khi Cộng Sản bị Pháp dẹp yên, bọn họ sợ xúp bô, mới tự tạo ra truyền đơn, cờ đỏ về búa liềm rồi sai người bí mật rải ở một số nơi, chụp mũ cho nhân dân là Cộng Sản, bao nhiêu người bị bắt bỏ tù đầy ọap.

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, những vùng bị Pháp chiếm đóng bao nhiêu lương dân

vô tội đã bị chụp mũ Cộng Sản mà
chết oan.

Thật vậy ! ở những vùng như
Bùi Chu, Phát Diệm, hàng ngàn
dân vô tội lại bị chặt đầu cắm lên
đòn xóc bêu lên giữa chợ hay các
ngã ba đường. Những cái đầu ấy
trước khi bị chặt đầu bị chụp mũ
Cộng sản lên trước.

Ngoài ra bọn ác ôn còn đồ
phòng nhì, mật thám tay chân của
thực dân lại hoành hành quá độ :

— Ai có nhiều tiền vay mượn
khó ; — Cộng Sản.

— Ai có vợ đẹp ; — Cộng sản

— Ai có ô tô luých ; Cộng sản

— Ai có ruộng vườn, muốn
cướp đoạt ; Cộng Sản.

— Người ta bảo rằng, chính
bọn người tay chân của Pháp đã
đòn người dân Việt Nam kẻ cả
những kẻ chống, Cộng vào chân
tường chỉ còn một đường là phải
chạy theo Việt Minh Cộng Sản để
tìm cái sống tạm bợ. Đó chính là

mẫu chốt cho vấn đề thành và bại
của Pháp và Cộng Sản.

20-8-1954 đất nước bị chia
đôi, mười mấy triệu nhân dân miền
Bắc bị Cộng Sản thực sự khống
chế, thì khổ sở đã đành, nhân dân
miền Nam bị anh em Diệm và bè
lũ thường chụp cho những chiếc
mũ Cộng Sản cũng đã dút hơi
ngột thở.

Thiệt vậy, muốn giữ độc quyền
thầu khoán ở miền Trung cho bè
CL thì phần nhiều những nhà thầu
ở ngoài đó, thường bị đội mũ Cộng
Sản-

Ai dám ngỗ ý bàn luận về Ngô
Tùng Thống và 2 cụ cổ vấn Nhu,
cần : Cộng Sản.

Ai không chịu vào tờ chức
PTCMQG : Cộng sản

Ai chưa chạy kịp tiền đóng
góp vào quỹ xá : Cộng sản.

Ai chưa kịp trả nợ Nông Tín
Cuộc : Cộng sản.

Tất cả các chính đảng, chống đối họ Ngô đều bị chụp mũ Cộng Sản hay cũng là làm lợi cho Cộng Sản.

Trong khi Phật Giáo chỉ phải chống Diệt đề bảo tồn đạo pháp thì tất cả các Tăng Ni, Phật tử, Sinh viên, học sinh đều bị chụp mũ Cộng Sản hết.

Sau khi Ngô Triều sụp đổ các chính quyền khác lên thay thế, hễ

mỗi lần bị nhân dân chống đối, người ta vẫn không quên tái bản lại bản nhạc «là Cộng Sản, hay làm lợi cho Cộng Sản» muốn thườ của anh em họ Ngô phải chăng «chụp mũ Cộng Sản cũng là, chứng bệnh di truyền» Người ta không biết rằng người quốc gia với nhau mà chơi nhau như thế, mới chính là làm lợi cho Cộng Sản và đem dân tộc tới luân vong.

VIỆT HAO DÀ

ẢNH HƯỞNG TAM GIÁO

trong văn học Việt-Nam

▲ Đại đức HẠNH CƠ

DÂN tộc Việt Nam trong thời kỳ bán khai đã lập thành xã hội, chiếm đất Bắc kỳ lập thành một tiểu quốc chuyên về nông nghiệp. Đến cuối đời nhà Triệu (207-111) thì nước ta bị người Tàu xâm chiếm và dân tộc ta đã bị họ đô hộ hơn một nghìn năm (207 tr.T.L- 939 s.T.L). Đời sống vật chất lẫn tinh thần của dân tộc hầu như bị người Tàu chi phối hoàn toàn; Mọi lễ nghi, mọi phong tục, luân lý v.v., đều chịu ảnh hưởng của họ; trong đó, ảnh hưởng lớn lao, quan trọng nhất là tôn giáo. Có 3

Tôn giáo lớn được truyền vào nước ta: Phật Giáo, Nho Giáo và Lão Giáo

Phật Giáo du nhập từ thế kỷ thứ nhất (S.T.L), Nho Giáo và Lão Giáo du nhập từ thế kỷ thứ hai, nghĩa là vào thời kỳ Bắc thuộc.

Ba tôn giáo này đã sớm thành cơ bản cho tín ngưỡng dân tộc Việt Nam và đồng phát triển mạnh mẽ sâu rộng trong các tầng lớp dân chúng. Khoảng đầu chúng ta không thấy hình bóng của tam giáo: chính trị, kiến trúc, điêu khắc, tổ chức xã hội v.v.. đều chịu ảnh hưởng

của tam giáo và rõ ràng nhất là trong nền văn học của dân tộc.

Trong hai dòng Văn học Việt Nam: Bình dân và Bác học, hình ảnh của tam giáo bàng bạc khắp nơi vì nó đã ăn sâu vào tri não của mọi người, khiến họ hể mỗi khi nói ra, có khi không chú tâm mà màu sắc tôn giáo vẫn được trong câu nói.

Vì vậy, muốn tìm ảnh hưởng tam giáo trong tâm hồn người Việt ta không thể không tìm trong nền văn học Việt mà có thể biết được một cách rõ ràng.

Nền Văn học Việt Nam chia ra làm hai dòng: dòng thứ nhất là do người bình dân ít học, sống với thiên nhiên, rung động theo tâm tư và gợi vào những chuyện cổ tích đề răn đời hay trong những bài hát câu ca, truyền bằng miệng từ đời này sang đời khác làm thành tục ngữ ca dao, gọi là nền Văn chương bình dân. Dòng thứ hai là do các sĩ phu có học, mỗi lời nói mỗi bài thi, bài văn đều viết thành chương thành sách để truyền lại đời sau, gọi là nền Văn chương Bác học.

Và trước hết, ta tìm ảnh hưởng của tam giáo trong nền Văn chương Bình dân.

Phần I- ảnh hưởng Tam Giáo trong Văn chương Bình dân

Văn chương Bình dân được viết dưới hai hình thức: truyền ca tích và tục ngữ ca dao. Trong đó ta thấy, có những người con hiếu hạnh được thành thần trời Phật giúp đỡ, ở hiền lành thì gặp nhiều điều tốt đẹp đưa đến, ở ác thì bị tai ương v.v.. Đây, ta xét từng tôn giáo một;

Chương I- Ảnh hưởng Phật giáo

Tính chất Phật Giáo được phổ bày trong Văn chương Bình dân phần nhiều là thuyết Luân Hồi Nhân Quả, Nghiệp Báo thỉnh thoảng mới có nhắc đến là VÔ THƯỜNG, TỰ BI và nhất là vấn đề «chân ngữ» thì gần như không có hẳn. Sở dĩ là vì đời sống tinh thần của người bình dân thường là chắc phác, hay tin những chuyện quả báo, ghét những người sống hung ác, đều gia và ham

chuộng những việc thiện, những điều tốt, những kẻ hiền lành, v.v..

1— thuyết luân hồi : Thuyết luân hồi trong Phật giáo cho rằng con người chết đi không phải là mất hẳn, cũng không phải sẽ ở một nơi nào đó đời đời, mà sẽ tùy theo nghiệp tốt xấu đã tạo ở đời này, phải đầu thai vào các cảnh giới khác. Và như thế, nếu người ta tạo ra nghiệp ác mãi mãi thì phải chịu ở trong vòng luân hồi ấy muôn đời đến khi nào biết tu tỉnh mới được ra khỏi.

Thuyết luân hồi này đã ăn rất sâu đậm trong tâm hồn người Việt, nên đọc trong chuyện cổ tích ta thấy rất nhiều. Đại lược, ta có thể lấy ra nhiều chuyện làm tiêu biểu cho thuyết luân hồi ấy :

Trong chuyện «Kéo cây trả nợ» kể rằng :

Ngày xưa có một người tên là Chu Văn Định, nhà rất nghèo khó thường vay mượn một người nhà giàu trong làng. Phải một năm bị mất mùa, người ấy không trả được nợ nhưng người chủ nợ cũng không đòi và mãi đến khi chết mà

nợ vẫn còn.

Vì còn món nợ này nên sau người kia phải đầu thai làm con trâu trong nhà người chủ nợ kia. Trên lưng có hai chữ «Văn Định».

Con trâu này ngoan ngoãn, dễ bảo và cày rất khỏe mạnh, người chủ rất hài lòng.

Trước kia Văn Định chết để lại hai người con, bây giờ đã lớn và làm ăn cũng khá.

Một hôm đang cày ruộng thì họ nghe ở ruộng bên có tiếng người bảo trâu rằng :

— Văn Định ! Văn Định ! nhanh chân mà bước kéo đã trưa rồi.

Họ nghe gọi tên bố thì lấy làm ngạc nhiên, liền chạy sang ruộng bên hỏi thì người kia trả lời rằng :

— Con trâu này từ lúc sinh ra đã có hai chữ Văn Định, và phải gọi đúng tên như thế nó mới chịu làm.

Hai người con bên sang tìm người nhà giàu kia hỏi chuyện và có ý mua con trâu kia. Ông ta trả lời :

— Trước, tên Chu Văn Định có vay nợ ta, không trả được, ta cũng không đòi. Có lẽ như vậy mà phải hóa kiếp làm con trâu này để trả công cho ta. Đã mấy năm nay nó chịu khó làm lụng, nhà ta cũng được thịnh vượng. Nợ trả như thế ta cũng cho là đủ rồi. Vậy hai anh có phải là con, muốn mua rế thì ta gả lại cho và ta cũng trả luôn bức vải khế cũ đem về hóa kiếp cho yên hồn cha.

Khi hai người con đã đem trâu về, vừa đem bức Văn Khế ra đốt thì trâu lăn ra chết. Như thế mới biết là nó đã trả sạch nợ rồi.

Thuyết luân hồi đã phô bày trong chuyện này một cách rõ ràng Văn Định vì đời trước không trả nợ cho người mà sau khi chết phải đầu thai làm con trâu để kéo cày trả công. Câu chuyện này nó còn phù hợp với một câu thành ngữ khác trong Phật Giáo là «Mang lòng đội sừng», nghĩa là đời này ta vay mượn của người, chịu ân nghĩa của người mà không lo trả lại không lo tu thân tích đức thì kiếp sau phải đầu thai làm các loài có

lông, có sừng, như trâu, bò, ngựa, lừa v.v. để làm công mà trả nợ.

Vì vậy, một câu chuyện khác cũng nói lên thuyết luân hồi. Chuyện «Hết ăn Giun».

Ngày xưa có một thằng tên là Giun làm nghề giữ lúa. Một hôm cha thằng Hết đến ăn trộm lúa thì bị thằng Giun đánh chết. Hết tức giận liền thế nguyên thế nào cũng trả thù được Giun mới nghe.

Một hôm, vừa gặp được Giun Hết liền đuổi theo đánh. Giun sợ hãi chạy thẳng lên núi. Đến nơi thấy ông Bụt đang đứng đó, nó liền tâu rõ đầu đuôi câu chuyện và xin Bụt cứu vớt.

Bụt muốn hóa kiếp thành chim nhưng nó lại sợ Hết bắn nên cuối cùng Bụt cho nó hóa thành con Giun, bé và dài, không chân không cánh, chỉ lẫn lút ở dưới đất để Hết không làm sao bắt được.

Một lát sau Hết lại chạy kịp đến không thấy Giun, Hết liền thưa với Bụt câu chuyện thù oán và xin Bụt chỉ hộ con Giun cho nó. Bụt cho biết đã thành con Giun chơi xuống

đất thì hết khóc lóc kêu ca : « thù cha không trả, thật là bất hiếu, mà cái lỗi ấy ở tại ông... »

Bụt nghe nó kêu khóc bèn thương tình và nghĩ đến lẽ « oan oan tương báo » không làm sao tránh được nên hóa kiếp cho nó thành con chim để tìm Giun dưới đất mà báo thù và từ đó Hết chỉ thích ăn thịt Giun hơn cả.

Tất cả mọi loài, dù thông minh như loài người, dù to lớn mạnh bạo như loài cọp beo, nhỏ yếu như nhất như thỏ, chuột, ngu dốt tối tăm như sâu bọ v.v. đều bị chuyển kiếp trong vòng luân hồi sinh tử do các nghiệp nhân đã tạo tác. Sở dĩ như vậy là vì mọi loài chúng sanh luôn luôn bị các điều mê mờ che mắt những đức tính tốt, do đó cứ tạo ra các nghiệp ác để rồi bị quả báo không khi nào thoát khỏi.

2 - Nhân quả nghiệp báo :

Cái thuyết Luân hồi trên đã in sâu trong tâm khảm dân Việt. Cả đời sống hành động, nó hình như luôn luôn lẩn lộn trong trí óc người bình dân, cho nên họ sinh ra sợ sệt, lo lắng. Họ sợ kiếp sau của họ sẽ bị đau khổ,

sẽ bị đầu thai vào đủ kiếp súc sanh ngu tối. Do đó họ luôn luôn cố gắng làm các điều tốt, điều thiện... để đời sau được sung sướng. Vì vậy, họ đã chịu ảnh hưởng của thuyết nghiệp báo nhân quả.

Thuyết Nhân Quả đã chi phối hoàn toàn mọi sinh hoạt của vạn vật trên vũ trụ, cả quá khứ, hiện tại cũng như vị lai. Đó là một lẽ cố nhiên không ai có thể cãi chối được. Trồng nhân như thế nào thì gặt quả như thế ấy, không thể sai khác như tục ngữ có câu : « Nhân nào quả nấy ». Ta trồng lúa thì sẽ gặt được lúa, trồng khoai thì sẽ được khoai v.v., làm các nhân thiện thì sẽ được quả thiện, trồng nhân ác thì sẽ chịu quả ác. Từ khi gây nhân đến khi kết quả có thể trải qua một thời gian lâu hay mau. Có thể vừa gây nhân thì chịu quả ngay lập tức, hoặc trải qua vài mươi năm mới chịu quả, hoặc tạo nhân đời này mà đến đời sau mới chịu quả,

Trong thuyết nhân quả có gồm luôn cả vấn đề nghiệp báo. Nghiệp nghĩa là tạo tác, hành động. Nghiệp có nghiệp ác, nghiệp thiện, và khi đã tạo nghiệp rồi thì lẽ tất nhiên là

phải thọ quả báo cũng có quả báo ác quả báo thiện.

Những thuyết luân hồi, nhân quả, nghiệp báo đều liên quan mật thiết với nhau, nó thấm nhuần vào đầu óc người dân thành một triết lý tổng hợp. Vì thế trong một chuyện cổ tích, lúc nào các thuyết ấy cũng được nhắc lên cùng một lần. Như chuyện «kéo cây trả nợ» trên kia, ta thấy đồng thời thuyết luân hồi còn có lẫn thuyết nhân quả nghiệp báo. Chu-Văn-Địch vì đời trước vay nợ (gây nhân) mà không trả nên có quả báo ấy bắt Văn Địch đời sau phải làm con trâu (chịu quả) để kéo cây trả nợ, và khi nào nợ trả xong mới được thoát kiếp trâu.

Rồi trong chuyện «Hét ăn Giun» vừa kể ở trên cũng hàm chứa vừa thuyết luân hồi vừa thuyết nhân nghiệp báo. Trước hết, cha thằng Hét vì tạo nhân ăn trộm lúa của thằng Giun nên đã bị Giun đánh chết (chịu quả ngay sau khi gây nhân). Nhưng sự nhân quả kia đâu phải chấm dứt một cách dễ dàng mà cứ cái nhân này làm nguyên nhân cho một kết quả, rồi cái kết

quả lại làm nguyên cho một kết quả khác; và cứ như thế, luật nhân quả liên tiếp luôn luôn không khi nào đứt đoạn. Thằng Giun đập cha thằng Hét chết đã gây ra một nghiệp nhân ác làm cho thằng Hét cầm thù và chỉ chờ dịp thuận tiện là trả thù (trả cái quả kia) (thằng Giun «Oan oan tương báo», cái quả báo kia, thằng Giun không khi nào trốn khỏi được, dầu có bay lên trời xanh hay xuống mấy mươi tầng đất, không trước thì sau, thế nào báo phải trả được mới thôi. Vì thế nên Giun sợ qua đã hóa thành con Giun chui rúc dưới đất nhưng vẫn bị hăng Hét hóa thành con chim Hét tìm bắt Giun ăn thịt để báo thù).

Luật nhân quả liên tiếp kia còn được người bình dân phổ diễn rõ ràng hơn trong một câu chuyện ngắn, giản dị nhưng vô cùng thâm thúy; đó là chuyện «kiến với cáo».

Thuở xưa kiến cũng là một loài ở dưới nước. Nhưng kiến ở dưới nước thường bị cá cứ nuốt chửng ăn hết cả. Kiến lấy làm khổ thân, mới rủ nhau đến kêu tại Diêm Vương :

— Chúng tôi ở dưới nước, cá ăn nuốt chúng tôi từng đàn, từng đò không ai biết đây là đàn, xin Đại Vương soi xét.

Diêm Vương thấy kiến kêu, thương tình mới cho lên ở trên khô

Kiến đã được lên trên khô rồi kiến mới tìm cách báo thù lại. Hễ khi nào thấy con cá nào vô phước lạc lên bờ là kiến báo nhau. từng đây, từng lũ đến mà cắn cá

Cá thấy vậy cũng giận lắm, cứ rình hễ khi nào nước tràn vô bờ, trời làm lụt ngập kiến ta xuống nước là cá lại báo nhau ăn kiến nuốt kiến như xưa.

Bởi có câu truyện này mới có tục ngữ :

« Kiến ăn cá, cá ăn kiến »

Chỉ có câu tục ngữ « kiến ăn cá, cá ăn kiến » ấy ta cũng đã nhận thấy sự luân hồi nhân quả kế tiếp nhau không bao giờ dứt đoạn.

Đức Phật Ngài còn dạy rằng :
Hãy lấy oán mà trả oán thì oán ấy mới hết được, chớ nếu lấy oán mà trả oán thì oán kia cứ chồng chất mãi mãi.

Trong câu chuyện « Kiến với cá » này đã ăn khớp với tinh thần lời dạy vừa rồi.

Những thuyết luân hồi nhân quả này và cũng như hầu hết các thuyết khác của Phật Giáo, người bình dân thường phổ biến trong những câu chuyện cổ tích làm ngu ngốc để dạy đời nhiều hơn là được lòng vào trong tục ngữ ca dao. Vì thế trong tục ngữ ca dao, rất hiếm mới lấy được vài câu tiêu biểu như :

— Ai ơi cứ ở cho lành,

Tu nhân tích đức để dành mai sau.

— Người trồng cây hạnh người chơi,

Ta đây trồng đức để dành cho con,

— Đã mang lấy nghiệp vào thân

Thì đừng trách lẫn trời gần trời xa

— Chồng gì anh vợ gì tôi,

Chẳng qua là cái nợ đời chi đây

Mỗi người một nợ cầm tay,

Đời xưa nợ vợ đời nay nợ chồng

3- Lòng từ bi: Tất cả mọi việc thiện trong xã hội đều phát sinh từ lòng từ bi. Chữ từ bi trong Phật Giáo được một ý nghĩa vô cùng rộng rãi, nhưng đây, theo tinh thần của người bình dân, ta chỉ hiểu cái nghĩa đại cương là đem các điều vui sướng ban bố cho mọi người (từ) và cứu vớt giúp cho người thoát khỏi cái điều khổ sở (bi). Vì vậy mà những công việc thường ngày như cho kẻ ăn mày một bữa ăn, cho con chim vài hạt lúa, vớt một người khỏi chết trôi, ân xá một tù nhân, không giết hại loài súc vật v.v. đều là biểu tượng của dấu hiệu từ bi. Đây qua chuyện cổ tích của người bình dân ta sẽ thấy rõ lòng từ bi nó biểu hiện như thế nào.

«Xưa có một người học trò học hành rất thông minh chăm chỉ

«Một hôm, anh ta đi qua nhà ông thầy trưởng, ông thầy trưởng liếc mắt coi rồi đoán rằng :

«- Tôi xem cái tướng thầy xấu lắm, nếu chẳng biết tu thân tích đức thì cho thầy học hành giỏi giang thế nào cũng lương công vô ích,

«Cách đây ít lâu, anh ta lại đi qua trước cửa nhà ông thầy trưởng, Ông thầy trưởng vội gọi lại bảo

«-Quái lạ ! cái tướng của thầy «bây giờ khác hẳn xưa, Hình như thầy đã cầu sống được bao nhiêu sinh linh, âm đức đã nôi, phúc tướng đã hiện, thầy đi thi khoa này, tôi «chắc thầy đỗ, mà đỗ cao hơn người «nhiều lắm. Thầy nói thật tôi nghe thầy có làm điều gì khác lạ chăng ?

«Người học sinh nghĩ một lúc rồi nói rằng :

«-Tôi thực không làm điều gì «khác lạ cả. Chỉ có một hôm đi học «đang lúc trời mưa, tôi thấy một đàn kiến sa xuống nước sắp nguy. Tôi «nghĩ thương tình, bèn đứng tại chịu «khó, bẻ một cành lau bắt cầu cho «đàn kiến leo lên trên cạn. Tôi chỉ «làm thế mà thôi.

«Thầy trưởng bảo :

«-Ấy đây, âm đức của thầy ở «đấy rồi.

«Người học trò không nghĩ tới lời thầy trưởng, cứ cố gắng học. Rồi «đến khoa thi, quả nhiên đỗ đầu «Trạng Nguyên!»

Trong Phật Giáo, tất cả các Phật tử đều phải giữ «năm giới cấm» để làm căn bản cho việc tu thân và cũng là nền tảng để kiến tạo một xã hội tốt đẹp. Trong đó, giới cấm đầu tiên là «Giới cấm sát sinh» tức là cấm giết hại tất cả các sinh vật bất cứ loài lớn hay nhỏ, thông minh hay ngu muội... trong mỗi giới lại có hai phần tiêu cực và tích cực. Giới cấm sát sinh chẳng hạn nếu chỉ thực hành theo giới cấm nghĩa là không giết hại các sinh vật... thì chỉ mới gọi là phần thực hành tiêu cực. Nhưng vượt xa hơn nữa, chẳng những không sát hại mà còn cứu vớt mạng sống cho mọi loài như phóng sinh, vớt người chết trôi, đem ra khỏi hầm chông gai v.v.. đó là phần thực hành tích cực của «giới cấm sát sinh».

Những người giữ được giới cấm sát sinh này về đủ hai phương diện thì sẽ được hưởng cái quả báo là sống lâu (thọ của Nho giáo) và ít tật bệnh. Trái lại, nếu phạm giới sát sinh thì sẽ chịu quả báo là chết yểu, nhiều tai ương tật bệnh.

Theo đây thì ta thấy sở dĩ người học trò trên kia có nghiệp chết yểu

nhưng đã thực hành giới «cấm sát sinh» đầy đủ hai phương diện theo tiếng gọi của lòng từ bi, nên công đức đó đã chuyển được cái nghiệp kia anh ta được sống lâu hơn và được hưởng sự sung sướng với bằng cấp Trạng Nguyên.

Trong truyện cổ Phật giáo cũng có những câu chuyện tương tự như thế.

Ngoài những thuyết trên, ta còn thấy phảng phất trong hồn người dân cái lễ di chuyển, không tồn tại của sự vật: đó là lễ Vô-Thường. Lễ vô thường nói rằng vạn sự vạn vật trong vũ trụ, từ tâm linh (vọng tâm) đến hình chất đều bị luật vô thường chi phối. Mọi vật đều trải qua bốn thời kỳ: sinh ra, tồn tại, hoại dần và tiêu diệt. Mọi vật đều thay đổi di chuyển theo thời gian và tính chất, không khi nào đứng yên, tồn tại đời đời.

Lễ vô thường được người bình dân nhắc đến thỉnh thoảng trong ca dao:

— Người đời khác thế phù du
Sớm còn tối mất công phu lữ lư

— Khi đi trúc chưa mọc măng,

Khi về trúc đã cao bằng ngọn tre.

— Người đời khác nữa là hoa,

Sớm còn tối mất nở ra lại tàn

Trong đám binh dân ấy, có nhiều người thông hiểu được những triết lý của Phật Giáo rồi đem giải bày vào ca dao tục ngữ hoặc trong những chuyện cổ tích. Ngoài ra còn một số người nữa vì chịu ảnh hưởng chung của quần chúng nên trong tâm hồn cũng mang một tính chất Phật giáo. Tính chất Phật giáo đó chỉ phổ biến tầm thường mọc mọc không biểu lộ được một triết lý nào cả. Như những câu :

— Tay bưng quả nếp vào chùa

Thắp hương lạy Phật xin bùa em đeo

— Đến đây thấy cảnh thấy trời

Tuy vui Đạo Phật chưa khuấy lòng

người

— Cách xa dù mấy nhịp cầu, Đến

ngày mồng tám nam châu cũng gần

— Rủ nhau đi cùng chùa Tiên

Cúng cam cúng quit đem dâng ông

Thầy

— Lên chùa lạy Phật quy y

Cầu cho kẻ ở người đi an lành.

— Rủ nhau xuống bên bắt cua

Lên non bắt nhạn, vô chùa nghe kinh

Ta đã lần lượt xét qua ảnh hưởng của Phật giáo trong tâm hồn người binh dân, giờ đây ta lại đến ảnh hưởng của Nho Giáo.

Chương II.- Ảnh hưởng Nho giáo

Đạo Nho bắt đầu du nhập vào nước ta từ thế kỷ thứ II sau Tây lịch (thời kỳ Bắc thuộc) rồi phát đạt ở thế kỷ XI ; sang thế kỷ thứ XV thì phồn thịnh và bắt đầu suy vong từ thế kỷ thứ XIX trở đi.

Đạo Nho có thể nói, đó là một thuyết gồn\ chính trị và luân lý hơn triết lý hay tôn giáo.

Chính trị và luân lý ấy rất xóc thực với sự sinh hoạt của xã hội thích hợp với tính tình của dân chúng nên hầu hết dân tộc Việt Nam, khắp trong giai cấp của xã hội đều chịu ảnh hưởng của Nho giáo một cách rất sâu đậm. Cái ảnh hưởng đó nó sâu đậm đến nỗi có những điều đã được dân chúng xem như là của chính dân Việt nghĩ ra

Về chính trị, trong quốc gia
trên hết có Đức Vua trị vì. Vua cần
phải cho đáng bậc vua, nghĩa là phải
là vị anh minh, công bình,
chăm lo việc nước, làm cho nước
được thái bình :

Mừng nay mưa nắng thuận hòa
Bốn phương hòa thuận thái bình
muốn dân

hay ,

Mừng nay mưa nắng thuận hòa
Trị đời Thương, Hạ dân đời Thương

Chu

Nơi nơi khích những ca cũ,

Khắp trong vũ điện Thanh Chu
thuận hòa

Đàn đầu già trẻ gần xa

Người người kính chúc thiên gia
vững vàng

Ai ai trung hiếu lưỡng tuyền

Năm nam mừng được phong niên
thái bình»

Đây, vua cần phải có đức, có
minh thì dân tâm mới qui phục,
nếu không phải là anh quân, thì dân
không phục. Vì thế khi nhà vua ra
lệnh không hợp thời vô lý thì bị họ
mỉa mai lập tức :

«Chiêu Vua mồng 6 tháng 3,

Cầm quân không đầy người ta bĩ
hùng

(Còn tiếp)

Cấp Đại học của...

(tiếp theo trang 24)

chỉ nghĩ tới tương lai văn học của quốc gia. Dưới con mắt của giáo sư, chức vụ bộ trưởng hay thủ tướng cũng chỉ là những sự bất dĩ mà phải làm. Như vậy tương lai sinh viên mới có thể mong có ngày huy hoàng được, và không có những cảnh đang dở niên học thay đổi giáo sư hay chương trình học văn.

Hơn nữa các du học sinh mà chính phủ đã cho đi du học ngoại quốc thì cho đi học cho suông sẽ đừng có đang học dở dang đã lại gọi về. Cái học như vậy đối với quốc gia dân tộc không những không có lợi gì, mà lại còn chứng tỏ rằng, kẻ ở trong nước không để ý gì tới tương lai đất nước mà chỉ sợ kẻ ra đi học giỏi hơn mình rồi sẽ giữ những địa vị xã hội hơn mình. Việc cần làm trong giai đoạn

hiện tại phải để cho những kẻ đi du học, đã học cái gì, là phải học đến nơi đến chốn, học nữa chừng mà về, thì đều coi là những kẻ bỏ dở những kẻ chưa đi du học. Chúng ta thường nghe thấy các du học sinh đang đi du học mới học xong một khóa, xin ở lại học thêm khóa sau đều bị chánh phủ gọi về không cho học nữa, dù sinh viên đó có học bằng hay nguyện tự túc cũng không được. Như vậy chúng ta là chúng ta cũng vẫn chỉ theo đuổi cái học nô tài, cái học làm đầy tớ. Cái học mới bắt chước được tiếng gà kêu chó sủa đã tưởng cho mình là siêu nhân là nhân tài của đất nước. Nếu tình trạng du học sinh cứ kéo dài mãi theo kiểu cách ấy thì làm sao chúng ta có thể có được những giáo sư đại học siêu việt như người, và hơn người...

Tóm lại muốn cho có đầy đủ giáo sư đại học ngay từ bây giờ chánh phủ luôn phải theo dõi bọn du học sinh nên khuyến khích

học thật giỏi, học thật nhiều và thực dụng sự cố gắng của họ, và không nên phá vỡ ý nguyện theo đuổi học vấn đến nơi đến chốn của họ. Việc huấn luyện nhân tài cho đất nước cần hơn việc dồn người xa thân ngoài chiến tuyến. Trong công cuộc chống cộng chúng ta phải tính việc hàn gắn non sông sau những ngày thanh bình trở lại.

Có thể, chúng ta mới có thể tin tưởng rằng trong năm năm, trong mười năm, chúng ta sẽ giải quyết được nạn khan hiếm giáo sư hiện nay ở cấp đại học khiến sinh viên không biết trồng cây vào đâu... và tương lai học vấn nước nhà sẽ không bị viễn ảnh mờ mịt làm cho mọi người phải lo âu.

Giải quyết xong được vấn đề thiếu giáo sư chúng ta còn phải nghĩ tới việc thành lập một thư viện lớn cho sinh viên có đủ sách dùng một ban tu thư dịch các sách vở khoa học của Tây phương sang Việt ngữ.... Ở Trung hoa, các de

học sinh trước khi về nước muốn được trọng dụng thường phải dịch ít ra hai bộ sách ngoại quốc... Sách càng có giá trị, giáo sư càng được nể vị... Việc cộng, trên phương diện này không chịu kém cỡ! mấy. Trái lại chúng ta trong này, tiền viện trợ đầy đủ, lương cao bổng hậu hơn, vậy mà nói tới các sách giáo khoa cho sinh viên, hầu như không có. Các nhà trí thức không chịu dịch sách chánh phủ không quan tâm đến việc dịch sách, thì làm thế nào cho chúng ta có thể đẩy vào lò hỏa thiêu thốn sách vở...

Ngoài ra, chúng ta còn thể nạn giảng đường chật hẹp. Không đủ chỗ cho sinh viên ngồi học những ngày thí nghiệm không có vật liệu cho sinh viên thực tập. Trong những công cuộc viện trợ về văn hóa, ngoài việc tự động cải tạo học đường chúng ta cũng thể xin các quốc gia ở thế giới do viện trợ thêm cho sách vở, dụng cụ học hành các phòng thí nghiệm

Chúng ta phải phát huy những chương trình cạnh tranh từ 5 năm một... Những chương trình giáo dục cũng phải luôn luôn cải thiện cho hợp với chương trình giáo dục quốc tế và cũng phải tính sao cho không hại tới sự cố gắng của sinh viên trong mọi công cuộc cố gắng chúng ta đừng bao giờ quên việc giáo dục là một việc rất quan hệ tới tương lai của dân tộc thanh thiếu niên, sinh viên và học sinh dở hay là của dân tộc sáng tỏ hay u minh... Những nhà có trách nhiệm trong việc lãnh đạo quốc gia nên nhớ là việc giáo dục thanh thiếu niên cần hơn... Vì thanh thiếu niên mà lãng quên, cho cao bồi hoá, thì cái họa vong quốc lúc nào cũng sẵn sàng bên cạnh chúng ta. Nước mà có thể mất được thì chống cộng không còn có ý nghĩa tồn tại ...

Và một dân tộc chậm tiến đừng mong thực hiện được sự tiêu diệt cộng sản khi mà từ người lớn cho

tới trẻ con không biết lễ nghĩa liêm sỉ là gì ...

Đầu.

Vì lẽ đó việc giáo hóa quần chúng là một câu chuyện rất cần đừng ai coi rẻ nó, vì nó không có lắm quyền hành, vì nó không kiếm được ra tiền như những công việc khác ...

Lúc nào chúng ta cũng phải nên nhớ... Một nước dở hay là ở thanh thiếu niên nước đó nhân cách hay không có nhân cách có giáo dục hay mất dạy, là những kẻ nhiệt tâm yêu nước hay chỉ lo những đứa chăm lo vong bản và vô đạo.

Kết luận

Trên đây chúng tôi chỉ mới làm bàn một cách khái quát việc cải

sách vấn đề giáo dục VN hiện tại trong phạm vi học đường. Việc cải cách này nhằm mục đích vừa giữ vững được căn bản con người, vừa hấp thụ được văn hóa khoa học Tây phương mà không biến thành mất gốc. muốn thực hiện được tôn chỉ ấy, chúng ta tất nhiên sẽ còn phải gặp nhiều khó khăn

Khó khăn thứ nhất :

Là bọn vong bản hiện thời chỉ muốn theo người mà không lo giữ gốc. Bọn này luôn luôn chạy theo cơ hội. Thời Pháp thịnh thì Việt gian hạng nặng, thời Cộng sản thì cũng hăng hái một cây, chữ Ôn chữ Cha không kém.

Khó khăn thứ hai :

Là tinh thần quá khích của một số sinh viên chỉ thích học tiếng mẹ đẻ, không cần biết tới một ngoại

ngữ nào khác... đồng thời lại có tinh thần quá vong bản của một số gia đình chỉ muốn nói tiếng Pháp và lắm khi quên cả mình là giống người Việt nữa.

Khó khăn thứ ba :

Là bọn tay sai của thực dân, của cần lao của cộng sản quá nhiều trong guồng máy hành chính, rất ghét mọi cải cách, và thường hay phản đối ngầm, hay phá hoại chính sách bằng cách xúi dục và dùng túng kế dưới quyền làm chậm trễ công việc.

Khó khăn thứ tư :

Là trước mọi kế hoạch cải cách nhiều người cho là có tinh thần dân tộc quá mạnh, lúc nào cũng muốn bài ngoại, lúc nào cũng chủ trương tự cường tự lực...

Những khó khăn đó, nếu chúng ta biết trước lẽ dĩ nhiên sẽ ngăn chặn được. Những ai có trách nhiệm chờ nên tự phụ vào địa vị và quyền hành mình đương nắm giữ thì tự nhiên những khó khăn

nào cũng có thể giải quyết được. Cái khó nhất chính chỉ là cái ta có thẳng nói ta hay không... ta có coi trọng cái bản ngã hay không...

Việc cái cách giáo dục trong phạm vi học đường đã là quan hệ nhưng việc cái cách giáo dục ngoài xã hội lại cũng là điều chúng ta cần phải lưu ý hơn...

Thời đại ngày xưa, ai cầm quyền sách đến nhà trường thì đã tự cho mình là người ít nhiều cũng đọc sách thanh hiền phạm mọi hành động công tư đều đã có ít nhiều trách nhiệm bên trong. Chúng ta tìm thế nào cho đưa trẻ ngày nay khi cầm quyền sách đến nhà trường học vỡ lòng cũng đã có một ý niệm khác hẳn với lúc còn ở nhà... Khi cái tính tự kiêu ấy ăn sâu vào đầu óc mỗi đứa trẻ đi học, tất nhiên nó phải có những đường lối cư xử chừng chặc và trịnh trọng học những đứa trẻ chưa được đi học. Rồi ngay tới những kẻ làm việc bằng chân tay, sau khi đã học được đủ những điều mà luân lý đã dạy tất cũng có những cảm giác tự hào

khác với lúc chưa được đi học, Cái tôn và cái tự ti đó mà cộng sản gọi là đầu óc tiểu tư sản sẽ biến con người theo một quan niệm ít chịu ảnh hưởng tới đời sống vật chất. Rồi đến những cô gái cấp sách đến trường với những bài ca gia huấn thuộc lòng, tất nhiên nếu hoàn cảnh bị đất có số vào chỗ phải làm gái điếm cũng phải sưng sùng, phải đau đớn, phải chua cay cho số phận mình, sẽ không có trơ trẽn nhâng nháo như các cô gái kiếm tiền hiện tại bên những chàng Mỹ... Việc giáo dục con trẻ, nếu được chính quyền đề ý từng lý từng ti phải là lý tưởng, thì con trai con gái phải biết phân biệt, của rơi ngoài đường mới có thêm những kẻ không thêm nhặt, những điều phi lễ mới có những kẻ không thêm làm. Còn như bây giờ, đồng Mỹ kim làm mờ mắt thiên hạ.. lẽ nghĩa, liêm sĩ không còn ai hiểu ai là gì nữa tất nhiên hoàn cảnh loạn ly cứ tiếp diễn mãi và cái dân tộc vong bản ấy tất có ngày không còn..

Một dân tộc muốn trường tồn không thể không lo tới nền giáo dục lớp tuổi thanh niên... Tiếng đạo nghĩa của đũa trẻ nhiều khi còn giác ngộ được những cái ngoại ngữ của những kẻ xung quanh chỉ biết có tiền tài có vật chất mà quên hết mọi lễ nghĩa cần phải có.

Tiếng học đạo nghĩa, nhiều khi còn giữ người đàn bà không thất tiết kẻ đạo tặc không cướp của giết người.

Chúng ta muốn cho dân tộc hùng cường không thể không đề ý tới nền giáo dục, và việc cải cách giáo dục sớm ngày nào là dân tộc được yên vui ngày đó. Vì đem đạo nghĩa hàng ngày ra nói đi nói lại, tất bọn làm trái sẽ phải hồi tâm và chúng ta sẽ không còn thấy những kẻ tri thức cam tâm làm tội đời và bọn trẻ thơ ngứa tay xin tiền nữa...

Việc cải cách giáo dục, phải làm từ dưới lên trên, làm từ trên làm xuống, thay đổi các chương trình, thay đổi các phương pháp thay đổi từ cõi rề cho đến ngành n, n, đừng làm nữa chừng bên trong

thì giữ vững con người với đạo lý cổ nhân, bên ngoài thì làm cho con người tiến triển cho kịp với trào lưu của nhân loại...

Nước Nhật một nước nhỏ bé ở Đông Phương vì biết giữ vững tinh thần dân tộc, và biết giữ vững cho phong trào văn hóa, phong trào khoa học, du nhập vào với địa lý, đã giữ vững được non sông khỏi bị xâm lăng và dân tộc khỏi bị nô lệ. Cho tới những ngày vừa qua, sau khi đất nước bị dày xéo, vẫn giữ vững được tinh thần dân tộc trong kỷ luật, đến nỗi đưa con gái có phải làm điếm kiếm tiền cũng là vì quốc gia và dân tộc, thực đáng làm gương muôn thuở cho những nước đủ tự nhận mình có một lịch sử 4000 văn hiến dưới cội trời Đổng A.

Ở nước Việt Nam chúng ta thì trong cuộc lật đổ nhà Ngô nữa rồi, quân đội nhân công của quân đội, sinh viên học sinh tự nhận công của họ sinh viên và những kẻ tù tội thân đã nằm trong khám cũng nhận bổng của mình cho chỉ những tù trộm cắp, làm kẻ

cũng tự nhận là có công trong việc chống đối mà không ai chịu nhận cái thực tế phũ phàng rằng nếu đồng Mỹ kim còn tiếp tục ủng hộ nhà Ngô, thì cho tới ngày hôm nay chúng ta vẫn phải quần quai dưới nanh vuốt của bọn đồ tể uống máu người không tanh, mà công việc chống đối của chúng ta thì mới chứng tỏ một phần nào là chúng ta cũng còn ý thức được rằng làm kiếp người với kiếp ngựa trâu cũng có khác đôi phần ..

Và có ai hiểu đâu rằng sự kể công vô ý thức đó đã đưa tới tình trạng hỗn độn ngày hôm nay, tình thần kỳ thị Địa phương này nở ngay ở giữa những người cùng một tổ quốc, cùng một tôn giáo đến nỗi quân đội đâm chém nhau Phật tử chửi thầy, Nam chửi Bắc thật là một điều nhục nhã không ai ngờ tới và chưa bao giờ có...,

Tất cả sự việc đó đều tại cái nền giáo dục của chúng ta quá đồ đang tinh thần dân tộc của chúng ta quá thấp kém, hành động của chúng ta chẳng ra Đông mà cũng chẳng ra Tây, chúng ta

xử sự chẳng ra Mơ mà cũng chẳng ra Mộng. Và cũng chỉ vì những sự phân chia ấy, vì cái tinh thần hèn kém ấy chúng ta mới đứng ở trong một cái thế độc lập không ra độc lập vong quốc chẳng ra vong quốc dân chủ chẳng thành dân chủ và độc tài không ra độc tài.

Đề cập đến tình thế hỗn loạn hỗn quan, nửa Việt gian, nửa quốc gia này, chúng ta phải nghĩ tới việc huấn luyện lại con người giáo dục lại quần chúng...

Công việc trên không phải một ngày mà làm được, một người mà làm nên, mà phải là của đại đa số nhân dân cùng ý thức được mọi nguyên nhân hèn kém đồ vô tan nát và chia rẽ của mình..

Chúng ta có hành động theo vô ngã, thì chúng ta mới hòa mình được với đại chúng và chúng ta mới xây dựng nổi tương lai ..

Một quốc gia phú cường phải là một quốc gia có nền giáo dục kiên cường về tinh thần cũng như về vật chất...

Bức tâm thư

Kính gửi thượng tọa Thích Tâm Châu

Tại Chùa Từ Quang Saigon

Kính bạch Thượng tọa.

Cần sáu tháng nay không được gặp Thượng tọa, đề văn em sức khỏe. Nhớ Thượng tọa lắm, nhưng thật tình không dám đến thăm, vì có nhiều lý do không tiện trình bày. Mặc dù thế, nhưng tình nghĩa đạo vị vẫn giữ trước sau như một,

Bạch Thượng tọa.

Người viết bức tâm thư này, luôn nhớ lời dạy vàng ngọc của Thượng tọa, cách nay hai năm bằng một mảnh giấy nhỏ, mực nguyên từ màu lục, Thượng tọa cho người mang đến Quán Thế Âm Tự « NHẪN NHỤC ĐỀ NHẤT ĐẠO » ôi ! quý hóa thay là bạc minh sư. Nhưng hôm nay Thượng tọa còn nhớ dĩ vãng cao đẹp ấy nữa hay không ? Hay là vì viết trên mảnh giấy nhỏ quá Thượng tọa đã quên. Quên làm sao được Ôi ! Chỉ đơn thuần có năm chữ nhưng nó cao đẹp làm sao. Ước gì hầu hết nhân loại thực hành đúng năm chữ ấy, thì hoa đạo sẽ nở tràn đầy khắp các nẻo đường.

Hôm nay hạnh nguyện của Thượng tọa chưa tròn nhưng nghiệp chướng lại danh vấy theo báo Thượng tọa, hay Thượng tọa hiện thân Bồ tát để chịu thể báo nghiệp của chúng sanh. Nếu được vậy xin Thượng tọa viết lại năm chữ ấy trên mảnh giấy màu vàng hình chữ S, để cho dân tộc bớt điều linh và giữ lại niềm tin cho Phật tử.

Ai hiểu lầm Thượng tọa, xin Thượng tọa hãy đọc lại câu nhấn nhệc đệ nhất đạo, hoặc ai hiểu đúng thì xin Thượng tọa cũng đọc câu « Nhấn nhệc đệ nhất đạo » .

Thượng tọa đừng lo, cũng đừng cần hiện tại, quan trọng là tương lai « Những ngài bút chép sử, các nhà phê bình và nhất là các vị Đại đức, thuộc giới tăng sinh, đầu óc họ vô tư và họ sẽ viết hay kể sau đó vài ba mươi năm những gì đen hay trắng.

Tin tưởng Thượng tọa rất giàu trí tuệ. Duyên nghiệp hết với chúng sanh cõi này, thì sang cõi khác thiếu thời gian kia thì đời thời gian nọ. Chúng sanh đang khổ lắm, dân tộc đã điều linh nhiều hàng ngũ nội bộ đang nát tan, tín đồ đang xao xuyến, niềm tin bị lay động. người viết bài này trước sau như một, vẫn mến kính và thương Thượng tọa.

Thượng tọa đã viết lời giới thiệu cho đặc san xuân AN-LẠC (Trích đoạn kết)

... « Đây chút hương An-lạc được phát xuất từ nơi Quán Thế Âm tự để công hiến đồng bào Phật tử » ...

Thì hôm nay đồng bào Phật tử cũng mong Thượng tọa phật

xuất Quán Thế âm hạnh, đề đem niềm An-lạc đến với Phật tử và đồng bào.

Người chết kẻ sống đều chứng minh việc làm của Thượng tọa. Xin Thượng tọa khỏi phải thanh minh, có không đã có thần linh minh xét.

Đầu

Đầu

Đầu

Kính thăm Thượng tọa, chúc Thượng tọa vạn sự khương an hạnh sẽ về thăm Thượng tọa.

Lạy Phật gia hộ Thượng tọa

Phật lịch 2510 Quán Thế Âm tự ngày 24-10 dương lịch 1966

THÔNG BƯU cần ký

Lịch LONG THIỀN TỰ

- đủ ngày tốt xấu
- in trên giấy tốt
- giá rẻ, lịch đẹp, mua sỉ bớt

— Dùng lịch LONG THIỀN TỰ là trực tiếp giúp đỡ cơ sở Phật giáo ngày càng chấn hưng

Chùa Long Thiền (Biên Hòa) ấn hành

MỤC LỤC

5. tôi đồng ý	Đ.Đ. THÔNG BỬU
8. cách mạng đời sống dân nghèo	Đ.Đ. THÔNG BỬU
18. cấp đại học của chúng ta nên cải cách như thế nào ?	NGUYỄN BÌNH TUYẾN
25. thi ca Trần tế Xương	TRẦN LỮ NGUYỄN KHANH
34. nhớ tiếng chuông chùa	Cư sĩ THÍCH-GIÁC-NGHĨA
35. đoàn kết để bảo vệ Hòa bình	THIỆU SƠN
41. tên tướng cướp có phép lạ	ĐÔNG-TÙNG
47. lời kêu gọi của sứ thần mặt trời	NGUYỄN-VĂN-PHỤNG
53. nước mắt trẻ thơ	HỒNG-TUẤN
62. hai quả bom nguyên tử	NGUYỄN-QUANG
75. chụp mũ	VIỆT HOA ĐÀ
77. ảnh hưởng tam giáo trong văn học Việt-Nam	Đ.Đ. HẠNH-CƠ
94. bức tâm thư	Đ.Đ. THÔNG BỬU